



TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) – KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)  
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC  
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

# Vở bài tập **TOÁN**



TẬP HAI

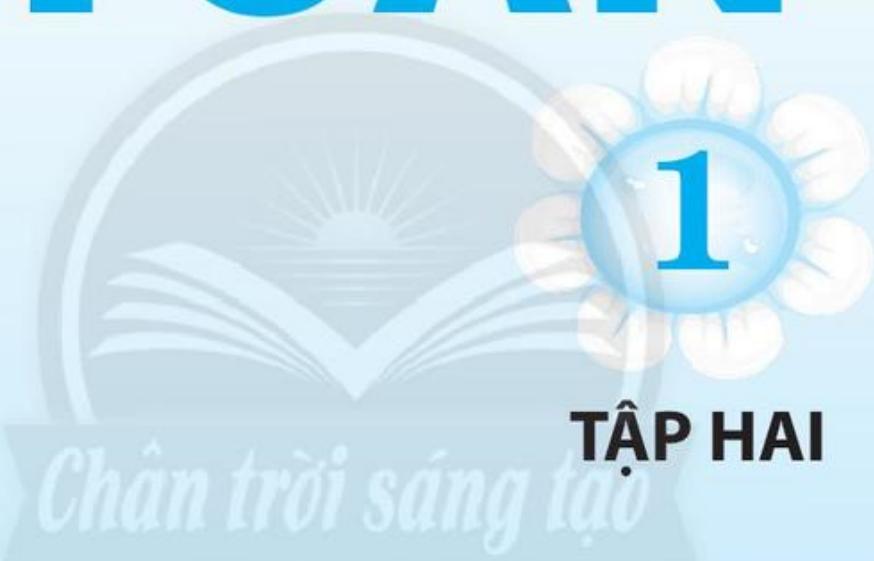


NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) – KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)  
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC  
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

Vở bài tập

# TOÁN



1

TẬP HAI

*Chân trời sáng tạo*

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM





## Lời nói đầu

Quý thầy cô, quý phụ huynh và các em học sinh thân mến.

Để củng cố và rèn luyện các kiến thức, kĩ năng; phát triển năng lực toán học cũng như các phẩm chất cho học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông mới, nhóm tác giả **Chân trời sáng tạo** trân trọng giới thiệu bộ sách **VỎ BÀI TẬP TOÁN** dùng cho cấp Tiểu học.

Bộ sách gồm 10 tập, tương ứng với mỗi lớp 2 tập. Trong mỗi tập sách, các nội dung được giới thiệu theo trình tự sách giáo khoa Toán Tiểu học với hệ thống bài tập đa dạng và phong phú. Trong mỗi phần, các bài tập tự luận và trắc nghiệm được giới thiệu đan xen và đặc biệt có một số đề kiểm tra dùng để tham khảo.

Bộ sách này có thể coi như nguồn tư liệu trong quá trình dạy học.

Giáo viên có thể lựa chọn những nội dung phù hợp với các đối tượng học sinh, các em không nhất thiết phải làm hết các bài trong sách.

Học sinh có thể dùng **VỎ BÀI TẬP TOÁN** trong buổi học thứ nhất (khi đã làm hết các bài trong sách giáo khoa), đặc biệt hữu ích ở buổi học thứ hai và trong các giờ tự học.

Với những tình huống và hình vẽ vui nhộn, gần gũi với cuộc sống, bộ sách tạo điều kiện để học sinh tương tác với sách qua nhiều hình thức (viết, vẽ, tô màu, ...), chúng tôi hi vọng bộ sách này thực sự mang đến niềm vui cho các em khi học toán.



# MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
<b>4. Các số đến 20</b>	<b>5</b>
• Các số đến 20	6
• Các phép tính dạng $10 + 4$ , $14 - 4$	12
• Các phép tính dạng $12 + 3$ , $15 - 3$	13
• Chiếc đồng hồ của em	14
• Em làm được những gì?	16
• Kiểm tra	18
<b>5. Các số đến 100</b>	<b>21</b>
• Chục – Số tròn chục	22
• Các phép tính dạng $30 + 20$ , $50 - 20$	26
• Chục – Đơn vị	27
• Các số đến 40	29
• So sánh các số	33
• Các số đến 100	37
• Bảng các số từ 1 đến 100	44
• Các phép tính dạng $34 + 23$ , $57 - 23$	50
• Em làm được những gì?	54
• Các ngày trong tuần	56
• Tờ lịch của em	58
• Thực hành và trải nghiệm	60
• Kiểm tra	62
• Độ dài	64
• Đo độ dài	66
• Xăng-ti-mét. Đơn vị đo độ dài	68
• Em làm được những gì?	71
• Ôn tập cuối năm	79
• Thực hành và trải nghiệm	90
• Kiểm tra cuối năm	92

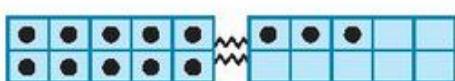
## 4. Các số đến 20





## CÁC SỐ ĐẾN 20

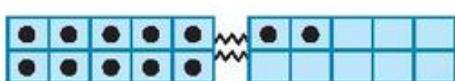
1 a) Nối (theo mẫu).



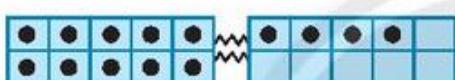
• 11



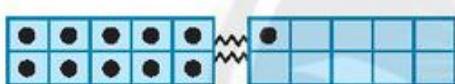
• 12



• 13



• 14



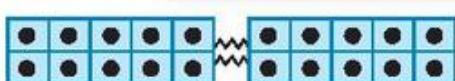
• 15



• 16



• 17



• 18



• 19



• 20

b) Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn.

10, 11, 12, . . . . . , 15, . . . . . , 19, 20.

2 Viết số (theo mẫu).

Mẫu:

10

4

14

10

7

2

12

15

16

9

10

1

11

13

18

10

20

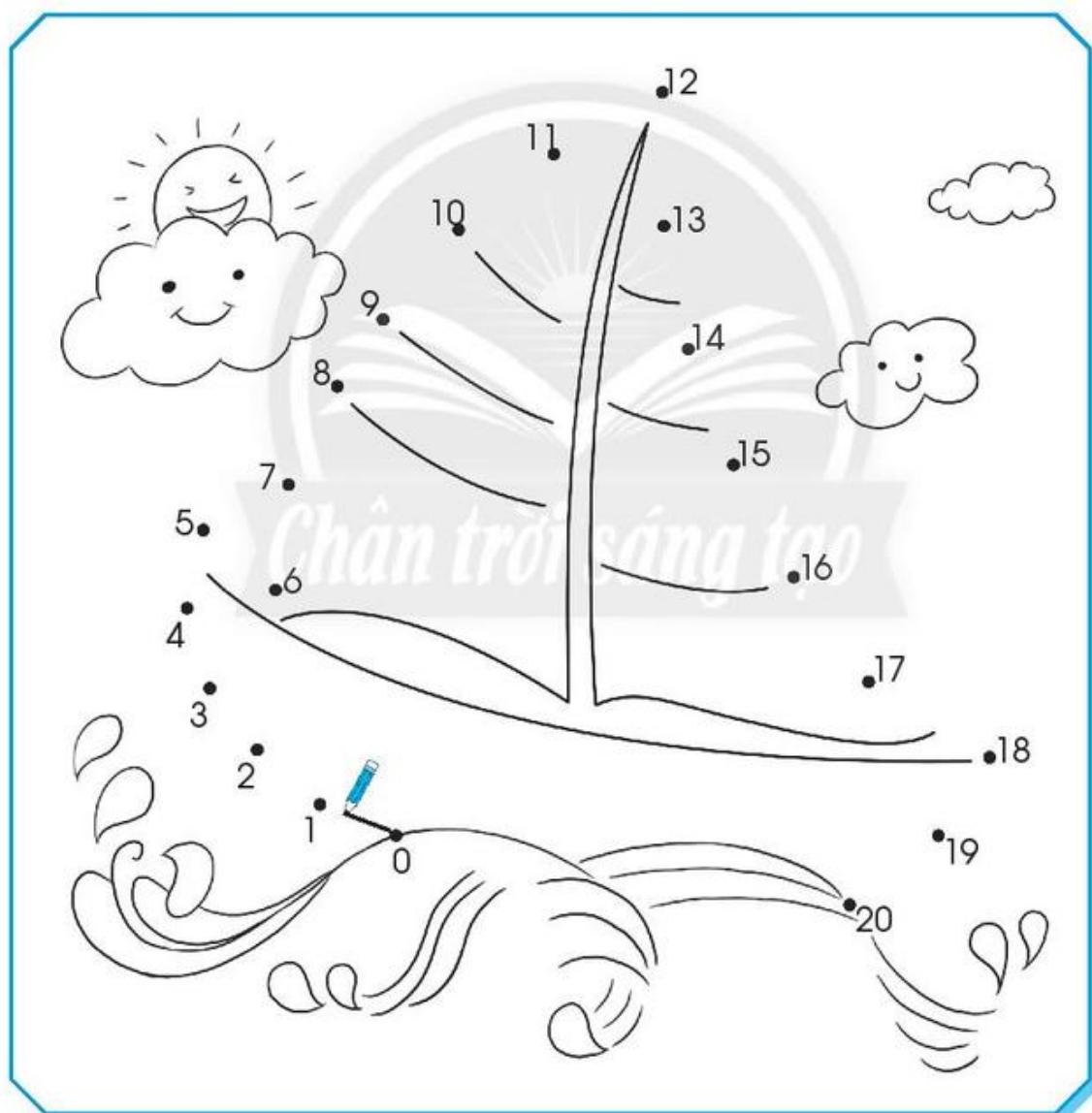
3 a) Viết các số còn thiếu.

b) Tô màu các ô

$2, 4, 6, \dots, 20$ .

1	2	3		5
6	7			10
11			14	
	17			

4 Nối theo thứ tự từ bé đến lớn rồi tô màu.



5



12 ... 15

20 ... 16

7 ... 12



? 11 ... 8

9 ... 19

13 ... 13



17 ... 17

14 ... 20

18 ... 10

6 Tô màu số lớn nhất.

15

17

16

19

10

20

7 Tô màu số bé nhất.

18

19

10

13

11

14

8 Viết các số sau theo thứ tự.

a) Từ bé đến lớn.

b) Từ lớn đến bé.

16

12

18

15

( )

( )

( )

( )

.....

.....

.....

.....

14

17

20

11

( )

( )

( )

( )

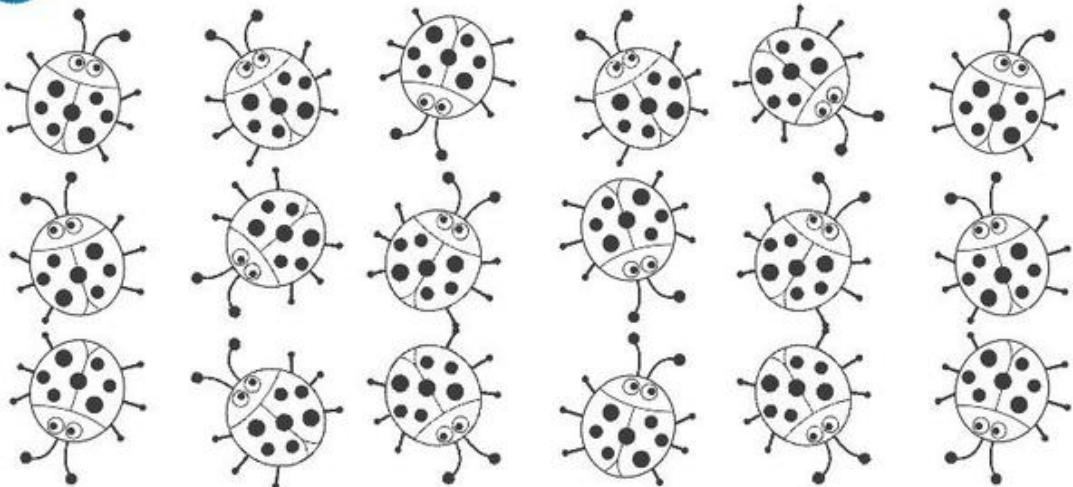
.....

.....

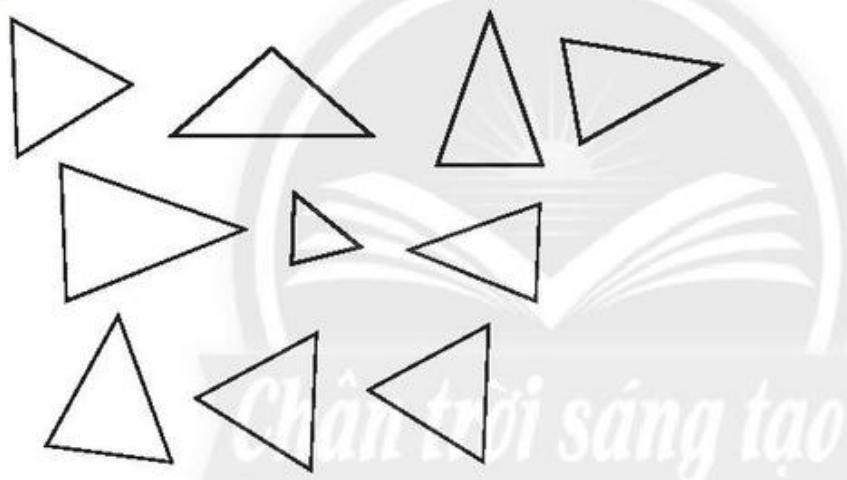
.....

.....

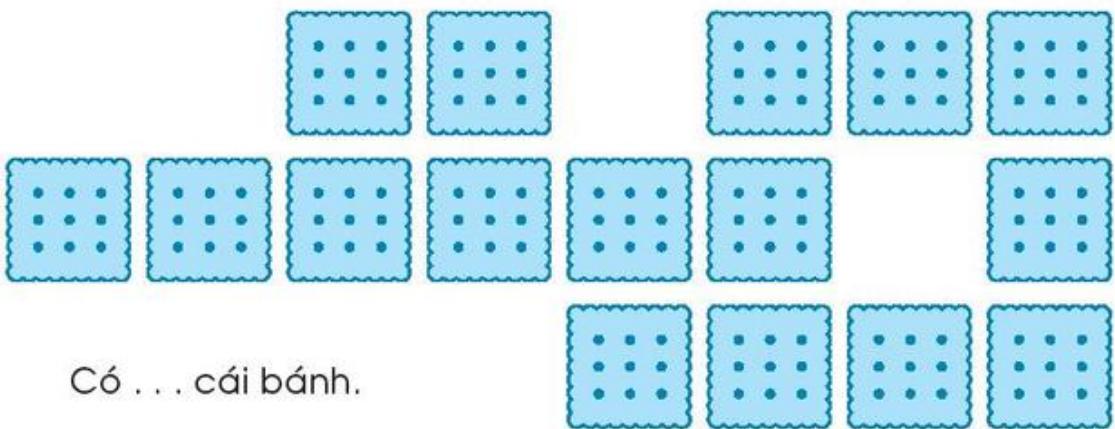
9 Tô màu 14 con bọ rùa.



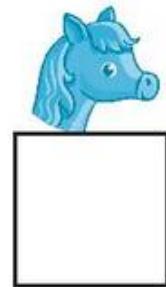
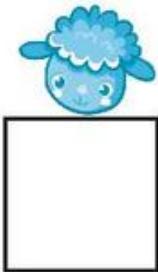
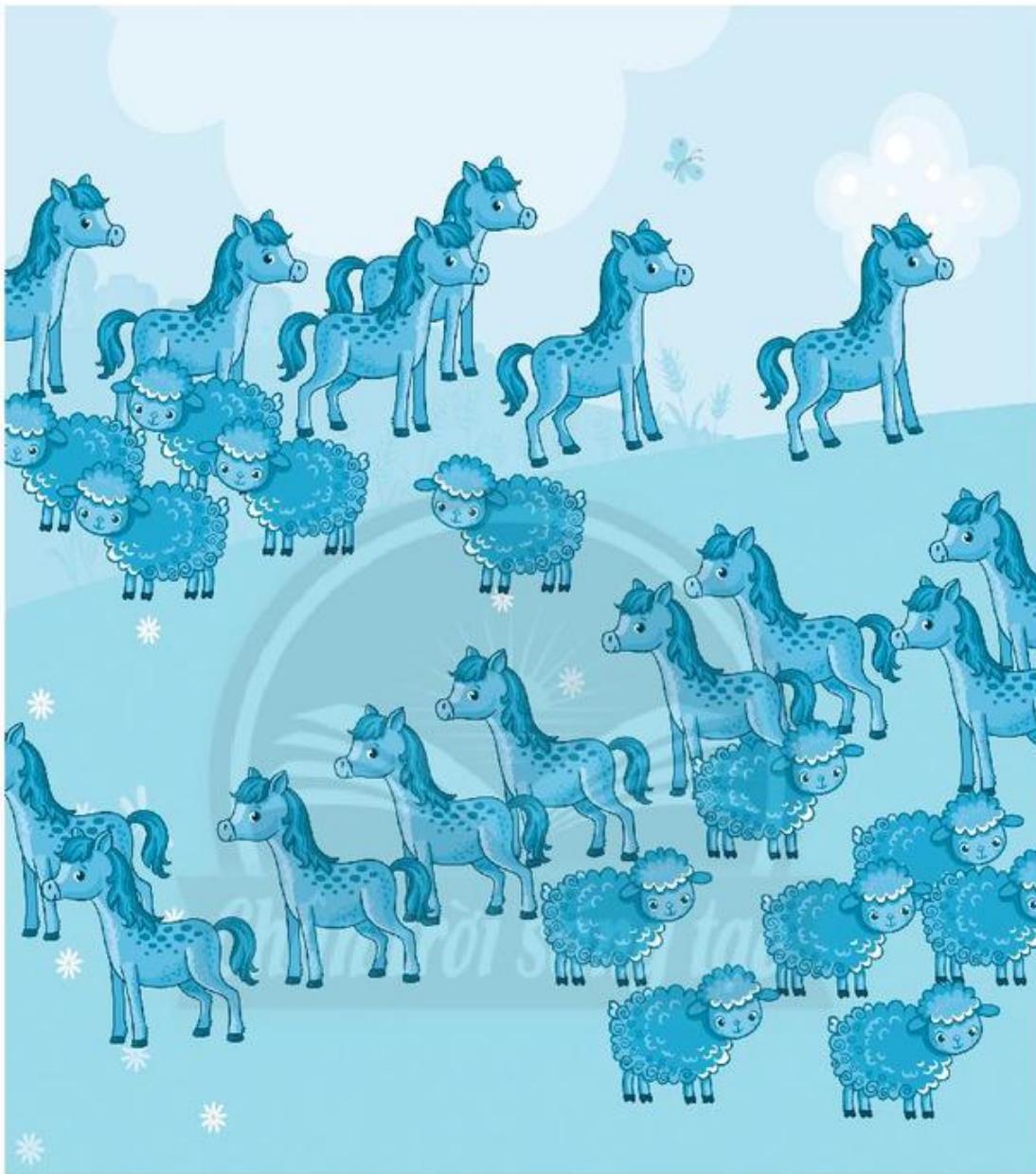
10 Vẽ thêm cho đủ 17 hình tam giác.



11 Đếm rồi viết số cái bánh.



12 Có bao nhiêu con mỗi loại?

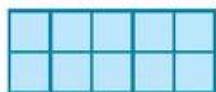




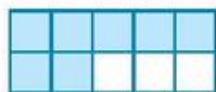
## CÁC PHÉP TÍNH DẠNG $10 + 4$ , $14 - 4$

Làm theo mẫu.

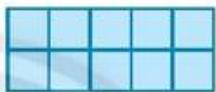
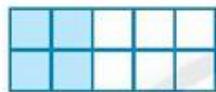
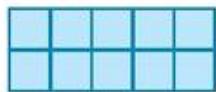
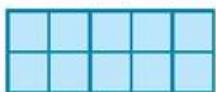
Mẫu:



$$10 + 7 = 17$$

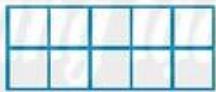
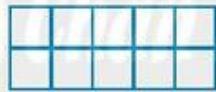


$$17 - 7 = 10$$



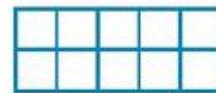
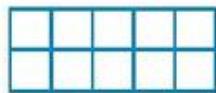
$$10 + 2 = \dots$$

$$18 - 8 = \dots$$



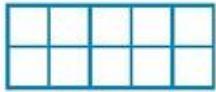
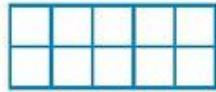
$$10 + \dots = 16$$

$$11 - \dots = 10$$



$$5 + 10 = \dots$$

$$17 - 10 = \dots$$



$$20 = 10 + \dots$$

$$3 = 13 - \dots$$



## CÁC PHÉP TÍNH DẠNG $12 + 3$ , $15 - 3$

Tính:

1

a)



$$2 + 3 = \dots$$



$$12 + 3 = \dots$$



$$5 - 3 = \dots$$



$$15 - 3 = \dots$$

b)

$$3 + 4 = \dots$$

$$8 - 5 = \dots$$

$$13 + 4 = \dots$$

$$18 - 5 = \dots$$

$$6 + 3 = \dots$$

$$7 - 4 = \dots$$

$$16 + 3 = \dots$$

$$17 - 4 = \dots$$

2

$$16 + 2 = \dots$$

$$19 - 4 = \dots$$

$$12 + 7 = \dots$$

$$14 + 5 = \dots$$

$$13 - 3 = \dots$$

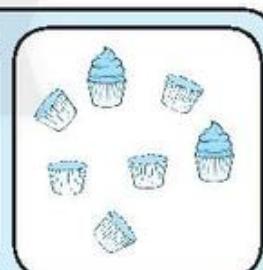
$$18 - 6 = \dots$$



$$10 + 7 = \dots$$



$$17 - 5 = \dots$$



$$10 + 7 - 5 = \dots$$

3

$$11 + 5 - 6 = \dots$$

$$20 - 10 + 0 = \dots$$

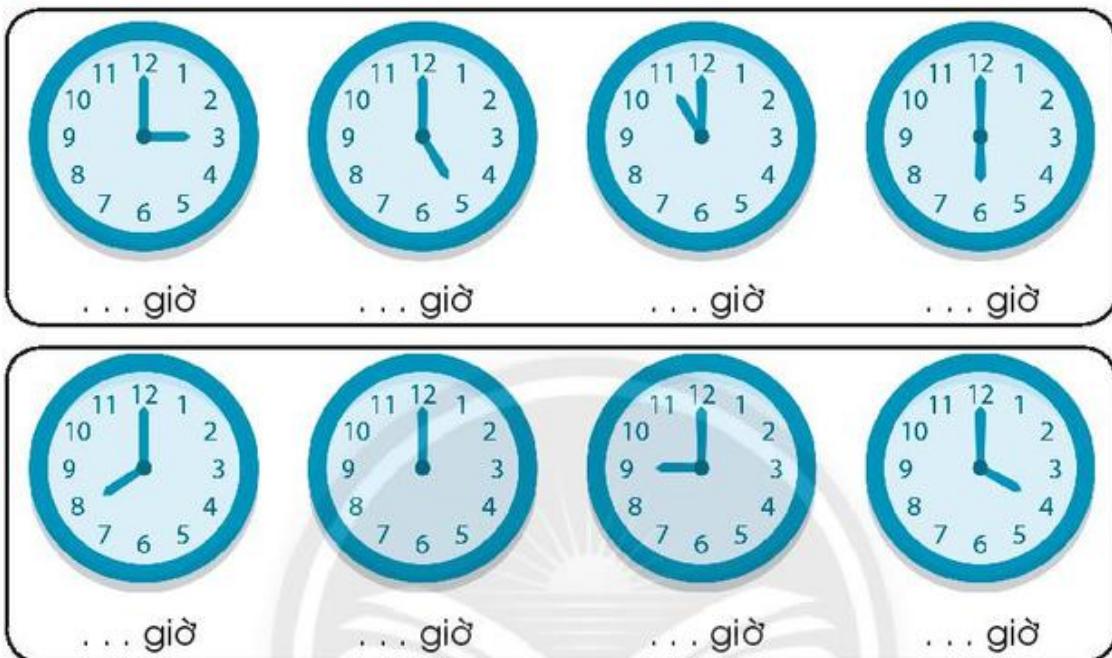
$$19 - 9 + 9 = \dots$$

$$15 + 4 - 7 = \dots$$

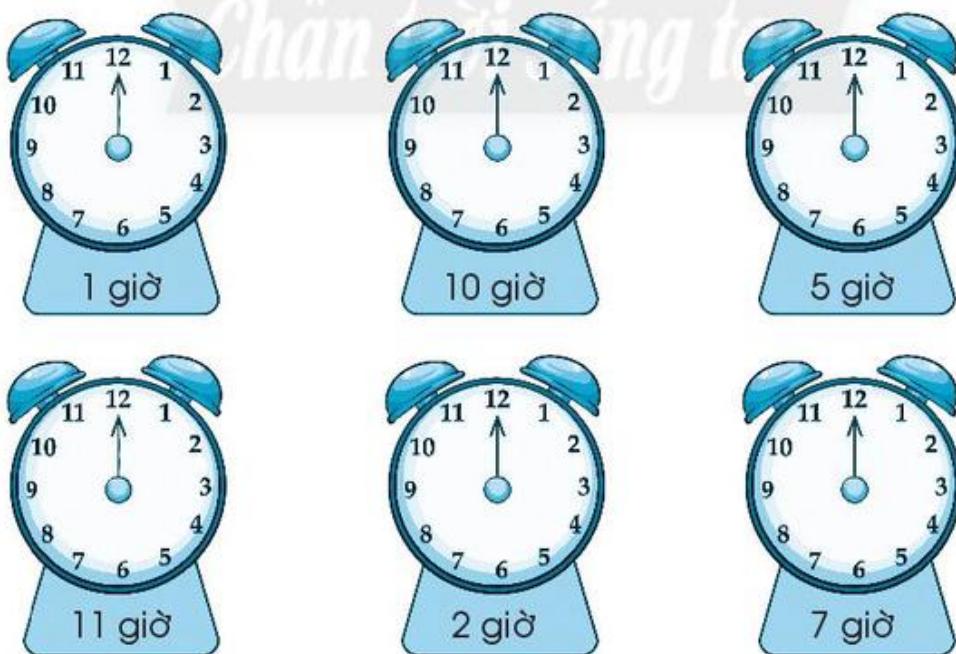


## CHIẾC ĐỒNG HỒ CỦA EM

- 1 Viết số vào chỗ trống.



- 2 Vẽ kim giờ phù hợp với mỗi đồng hồ.



3 Viết giờ xuất phát.

Viết giờ đến nơi.  
Vẽ kim phút, kim giờ.



... giờ

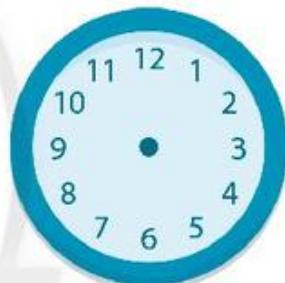


... giờ

2 giờ



... giờ



... giờ

1 giờ



... giờ



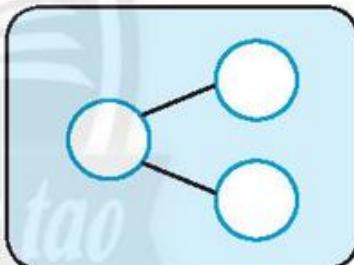
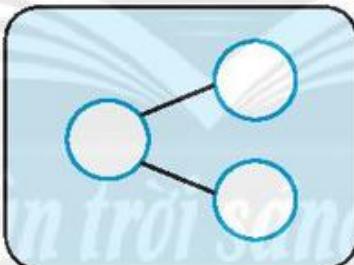
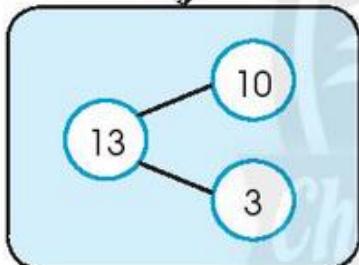
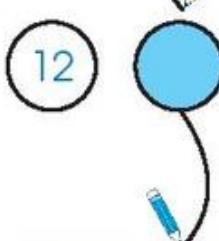
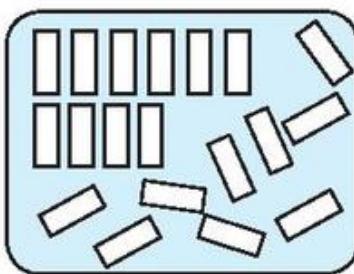
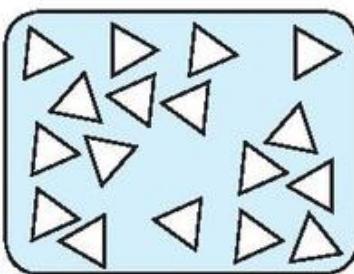
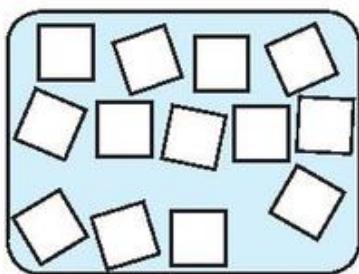
... giờ

3 giờ



## EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1. Làm theo mẫu.



$$10 + 3 = 13$$

$$\dots + \dots = \dots$$

$$\dots + \dots = \dots$$

$$13 - 3 = 10$$

$$\dots - \dots = \dots$$

$$\dots - \dots = \dots$$

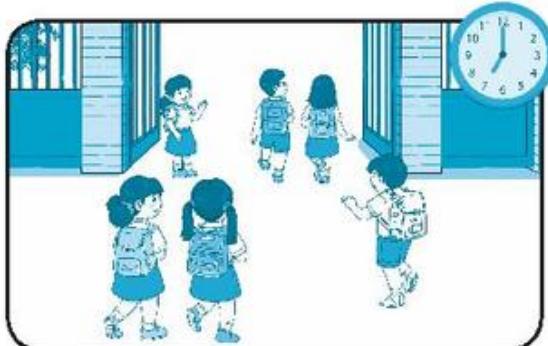
2. Nối.

$16 < \square$ .

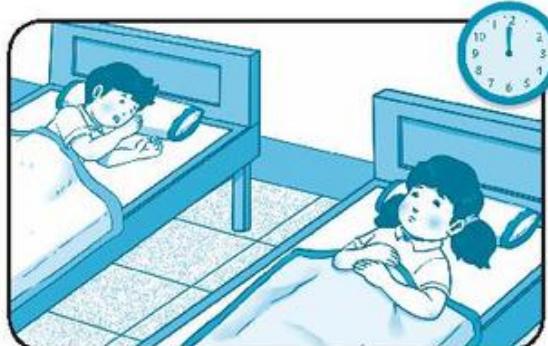
- $15 + 2$
- $19 - 1$
- $16 + 0$
- $20$

3 Viết vào chỗ chấm (theo mẫu).

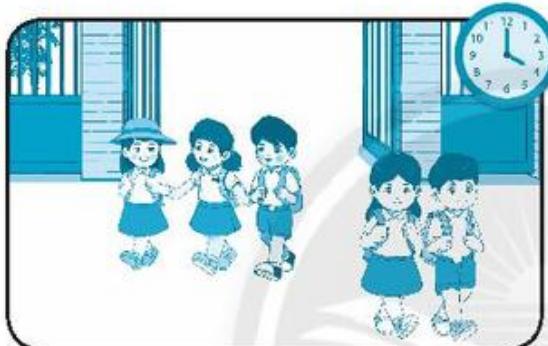
Mẫu:



Em đến trường lúc 7 giờ sáng.



Em ngủ lúc ... giờ ...

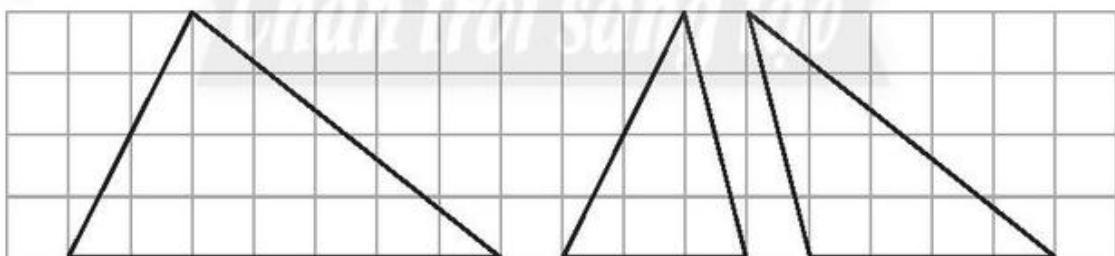


Em ra về lúc ... giờ ...



Em ăn cơm lúc ... giờ ...

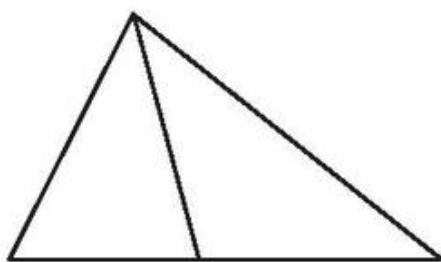
4 Tô màu các hình tam giác.



5 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Hình vẽ bên có:

- A. 1 hình tam giác
- B. 2 hình tam giác
- C. 3 hình tam giác





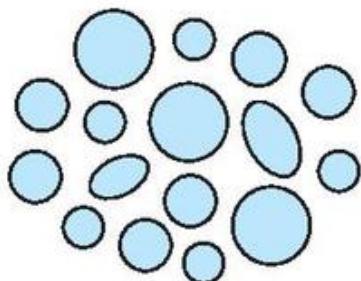
## KIỂM TRA

### A. TRẮC NGHIỆM

I. Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

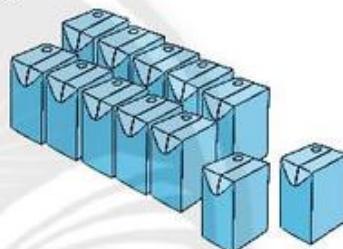
Câu 1. Có bao nhiêu hình tròn?

- A. 14
- B. 15
- C. 16

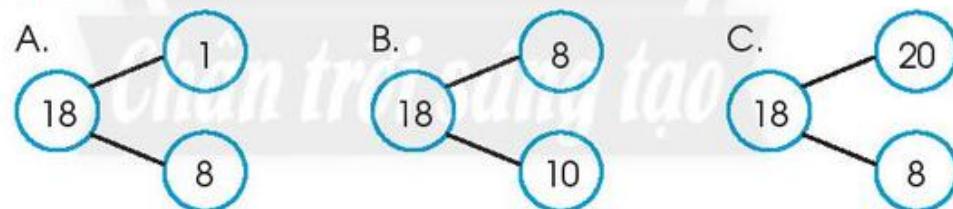


Câu 2. Có bao nhiêu hộp sữa?

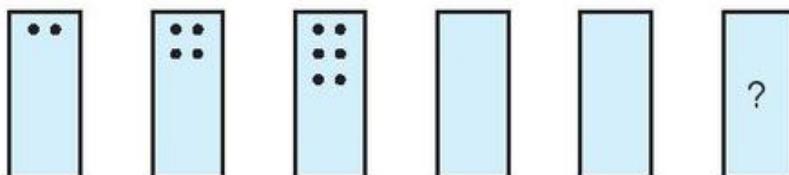
- A. 7
- B. 11
- C. 12



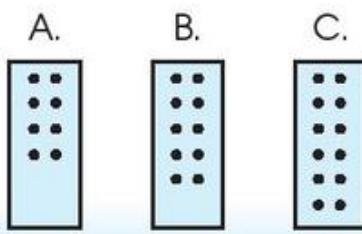
Câu 3.



Câu 4.

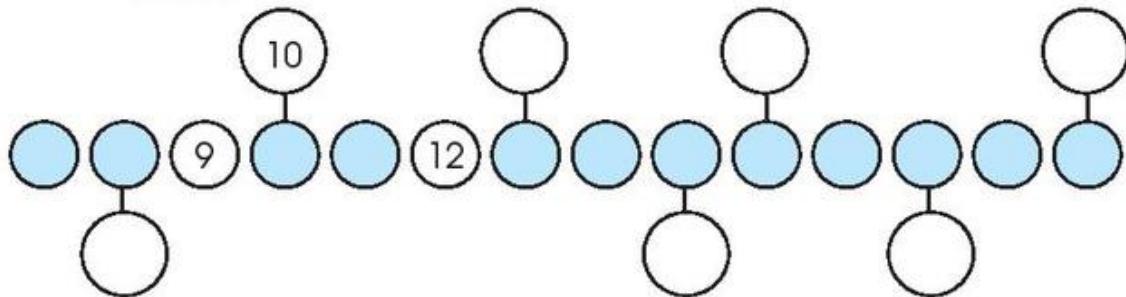


Hình cuối cùng là:



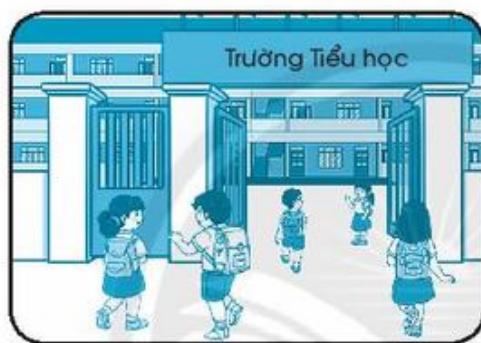
## II. Làm theo mẫu.

Câu 5. Viết số thích hợp vào ○.



Câu 6. Nối tranh với đồng hồ thích hợp.

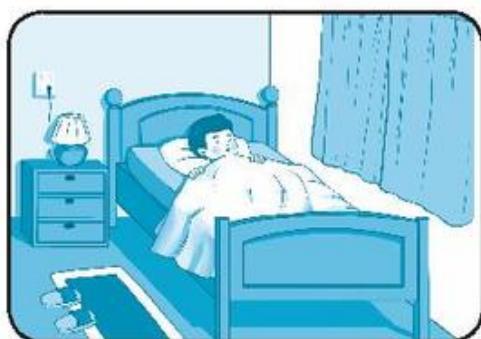
Buổi sáng: Đến trường.



Buổi trưa: Ăn cơm.



Buổi chiều: Học nhóm.



Buổi tối: Nghỉ ở nhà.

## B. TỰ LUẬN

Câu 1.

a) Tính:

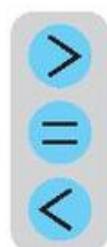
$$11 + 5 = \dots$$

$$19 - 4 = \dots$$

$$17 - 7 = \dots$$

$$6 + 10 = \dots$$

b)



?

$$14 - 3 \quad \boxed{\phantom{00}} \quad 14$$

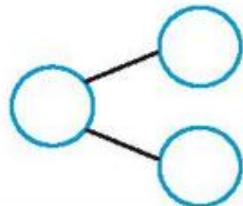
$$14 + 3 \quad \boxed{\phantom{00}} \quad 14$$

$$14 - 0 \quad \boxed{\phantom{00}} \quad 14$$

Câu 2. Quan sát tranh.



a) Viết số.



b) Viết phép tính.

$$\dots + \dots = \dots$$

$$\dots - \dots = \dots$$

## 5. Các số đến 100

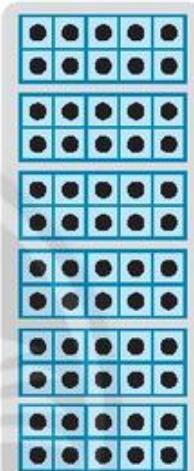
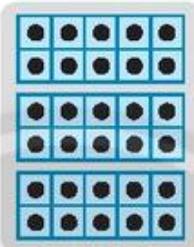
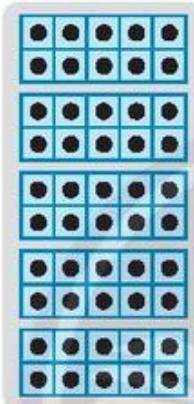




## CHỤC - SỐ TRÒN CHỤC

- 1 Viết các số còn thiếu rồi nối (theo mẫu).

10    20       40          70          100



1  
chục

4  
chục

3  
chục

2  
chục

9  
chục

5  
chục

7  
chục

10  
chục

8  
chục

6  
chục

2 Viết vào chỗ chấm.



$$70 = 7 \text{ chục}$$
$$5 \text{ chục} = 50$$

$$10 = \dots \dots \dots$$

$$6 \text{ chục} = \dots \dots \dots$$

$$40 = \dots \dots \dots$$

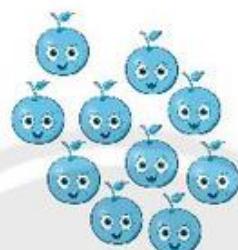
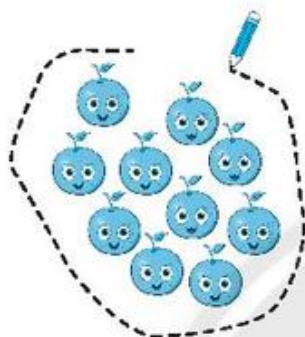
$$8 \text{ chục} = \dots \dots \dots$$

$$90 = \dots \dots \dots$$

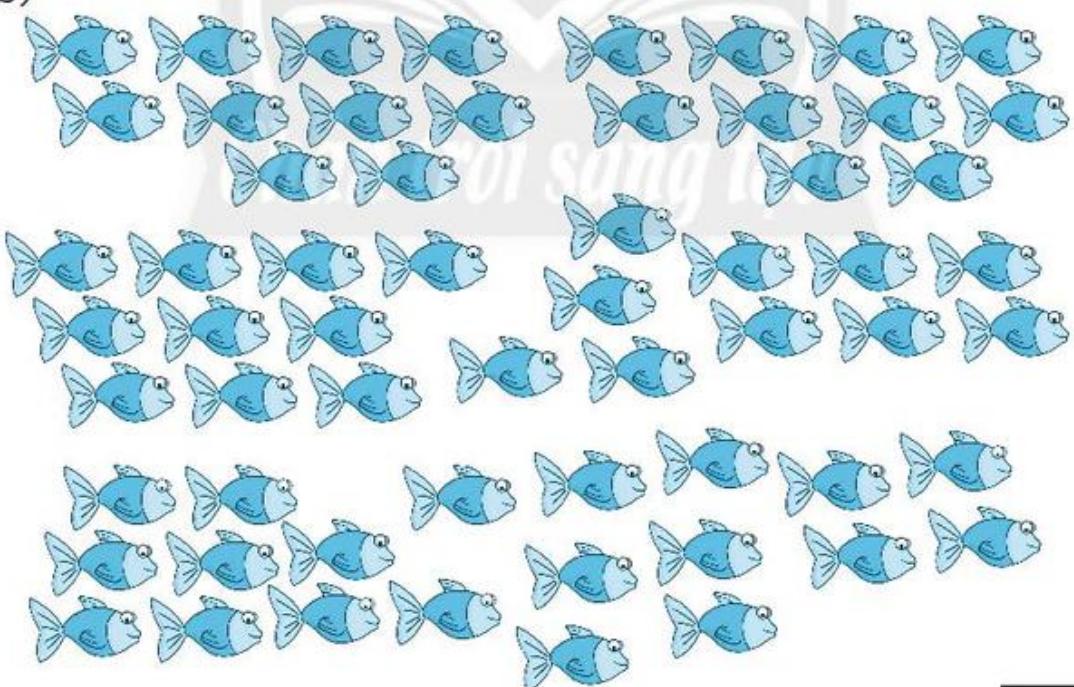
$$10 \text{ chục} = \dots \dots \dots$$

3 Đếm, khoanh đủ chục rồi viết số vào

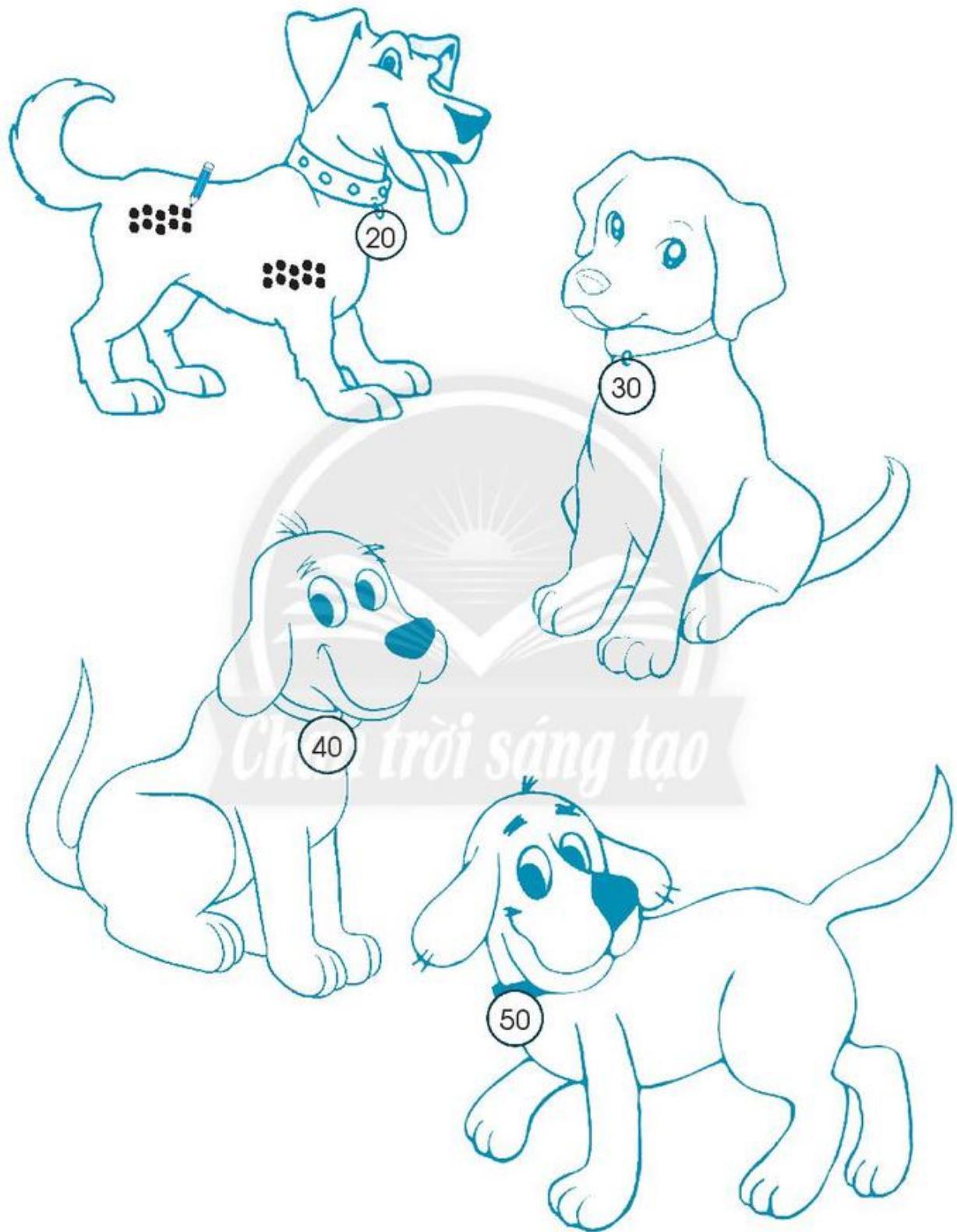
a)



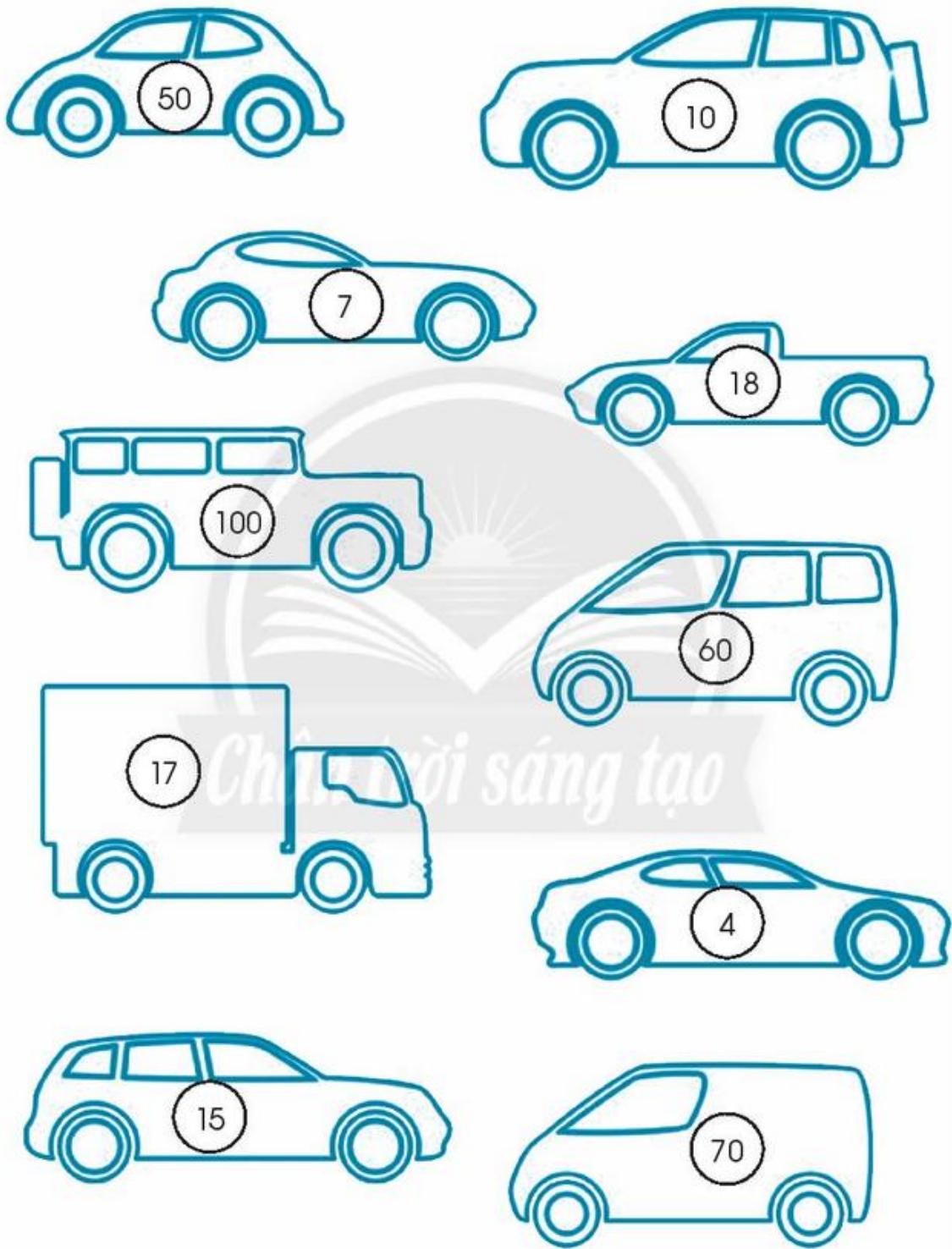
b)



4 Vẽ các chấm (theo mẫu).



5 Tô màu xe mang số tròn chục.





## CÁC PHÉP TÍNH DẠNG $30 + 20, 50 - 20$

1 Tính nhẩm.



$$50 + 30 = ?$$
$$5 \text{ chục} + 3 \text{ chục} = 8 \text{ chục}$$
$$50 + 30 = 80$$

$$60 + 30 - 60 = \dots$$

$$70 + 20 = \dots$$

$$60 - 30 = \dots$$

$$80 - 50 = \dots$$

$$20 + 40 = \dots$$

$$90 - 70 - 20 = \dots$$

2 Viết vào chỗ chấm.

$$40 + \dots = 70$$

$$50 = 30 + \dots$$

$$\dots + 40 = 70$$

$$10 = 60 - \dots$$

$$70 - \dots = 40$$

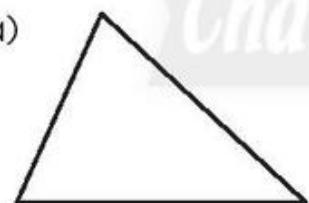
$$40 = \dots - 50$$

$$70 - \dots = 30$$

$$100 = \dots + 20$$

3 Kẻ thêm một vạch vào mỗi hình để có:

a)



2 hình tam giác.

b)



3 hình tam giác.

4 Viết phép tính phù hợp.





## CHỤC - ĐƠN VỊ

- 1 Viết vào chỗ chấm (theo mẫu).

Mẫu: 10 đơn vị = 1 chục

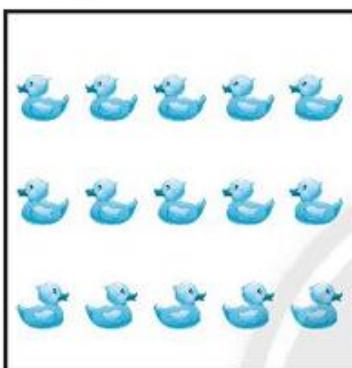
1 chục = ... đơn vị

30 đơn vị = ... chục

6 chục = ... đơn vị

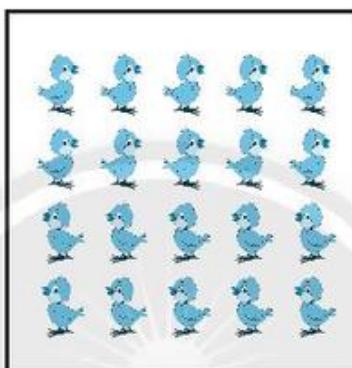
- 2 Viết theo mẫu.

Mẫu:



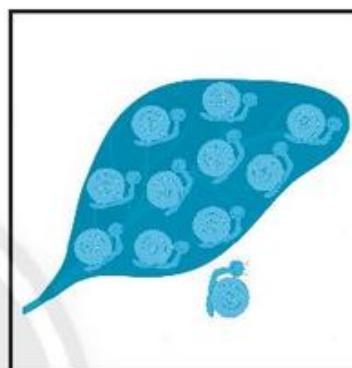
chục	đơn vị
1	5

15



chục	đơn vị

...



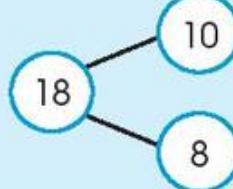
chục	đơn vị

...

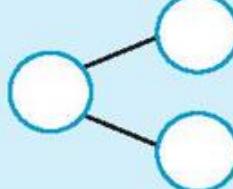
- 3 Viết theo mẫu.

Mẫu:

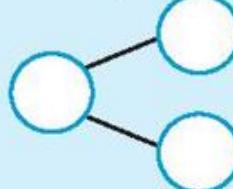
18 gồm 1 chục và 8 đơn vị



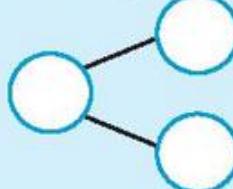
14 gồm ... chục và ... đơn vị



17 gồm ... chục và ... đơn vị



10 gồm ... chục và ... đơn vị



4 Đúng ghi  đ, sai ghi  s

16 gồm:

• 1 chục và 6 đơn vị

• 10 chục và 6 đơn vị

• 10 và 6

5 Vẽ các chấm tròn thể hiện số (theo mẫu).

Mẫu:

17



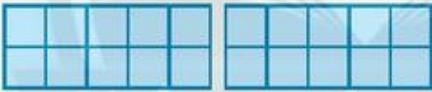
19



15



12



6 Em viết câu về hoạt động trong ngày.

Ví dụ:



Lúc 9 giờ sáng, em học ở trường.

a)



Lúc ... giờ ....., em .....

b)



Lúc ... giờ ....., em .....

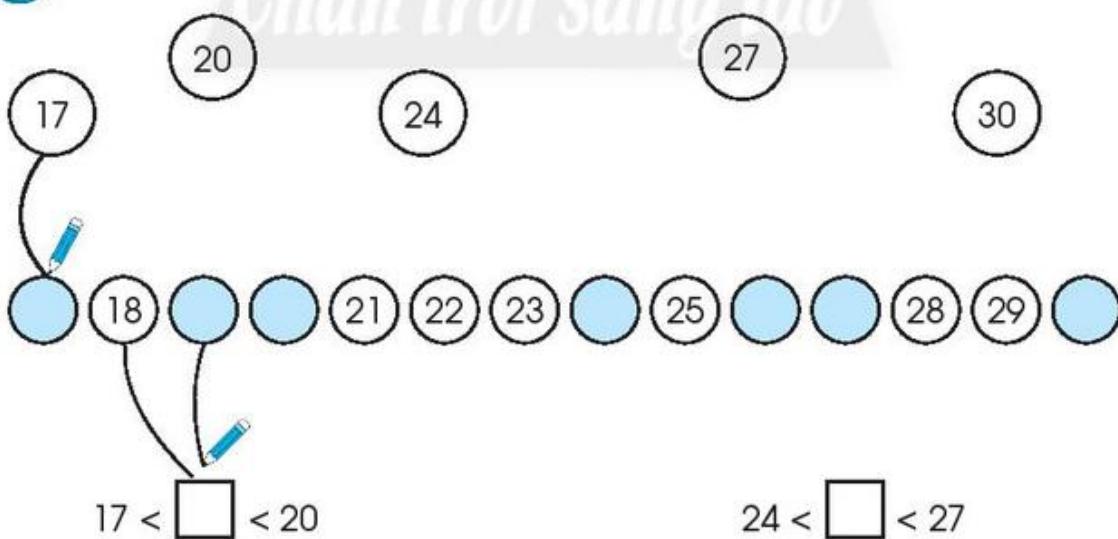


## CÁC SỐ ĐẾN 40

1 Viết vào chỗ chấm.

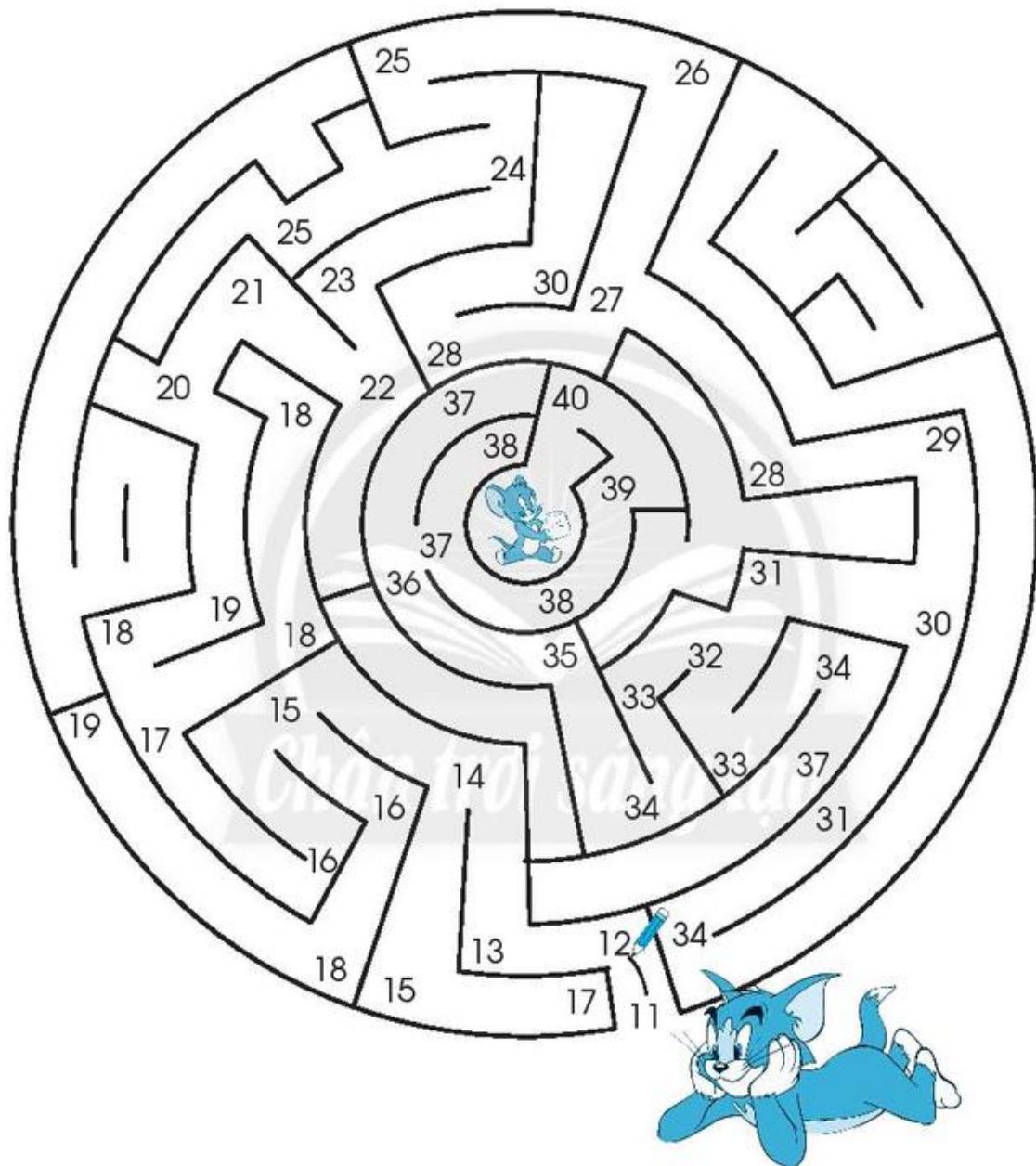
Viết số	Đọc số	Viết số	Đọc số
1	một	4	.....
11	.....	...	mười bốn
...	hai mươi mốt	24	hai mươi bốn
31	.....		hai mươi tư
5	.....	34	.....
...	mười lăm		.....
25	.....	...	hai mươi hai
...	ba mươi lăm	...	bốn mươi

2 Nối theo mẫu.



**3** Mèo đi đường nào để tìm chuột?

Muốn biết, em tìm cách nối lần lượt các số từ 11 đến 40.



4 Đếm rồi viết số vào

a) Có bao nhiêu cái tai thỏ?



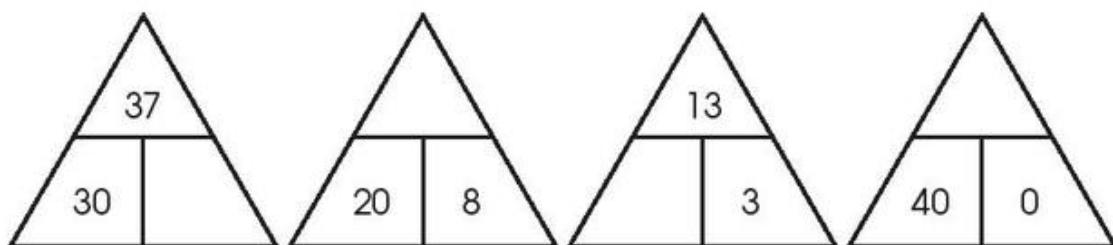
b) Có bao nhiêu viên kem?



c) Có bao nhiêu quyển sách?



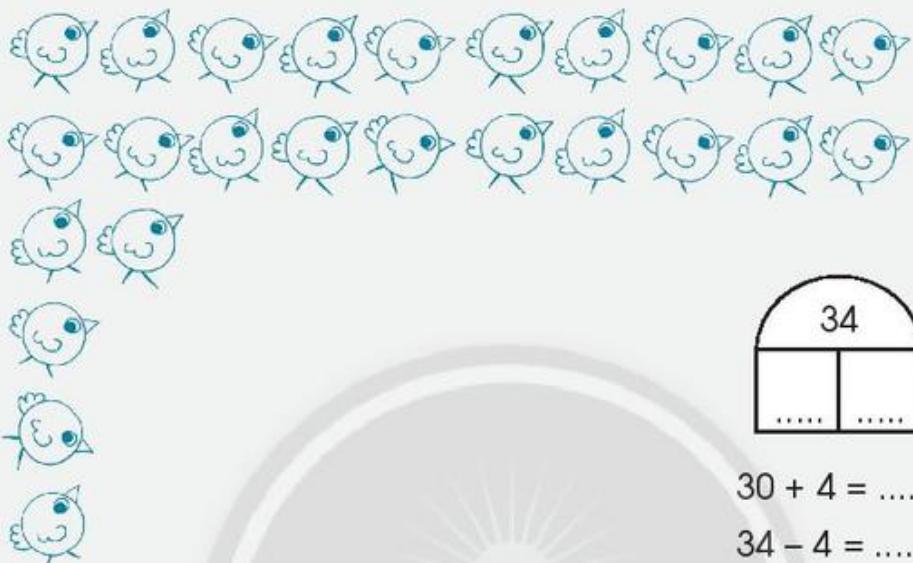
5 Viết số vào sơ đồ tách – gộp số.



6 Vẽ thêm để đủ số lượng. Viết số vào chỗ chấm.

a)

34



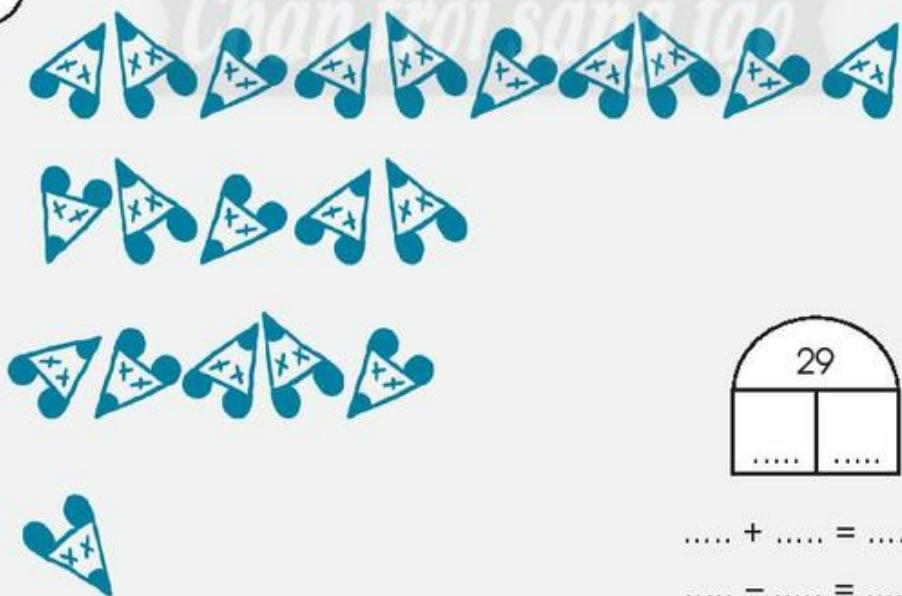
34

$$30 + 4 = \dots$$

$$34 - 4 = \dots$$

b)

29



29

$$\dots + \dots = \dots$$

$$\dots - \dots = \dots$$

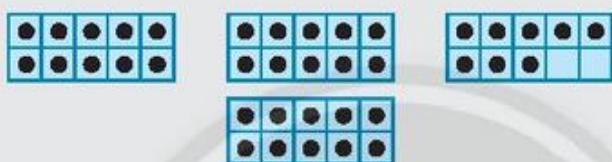
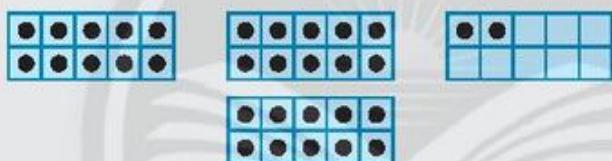
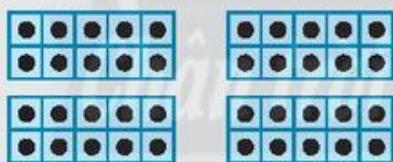


## SO SÁNH CÁC SỐ

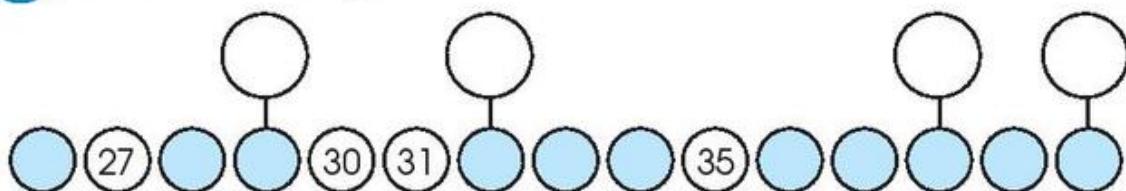
1 Viết số vào ○.

Tô màu các số từ lớn đến bé, theo thứ tự:

Đỏ – Cam – Vàng – Xanh lá.

  
.....  
.....  
.....  
.....

2 a) Viết số vào ○.



b) Viết các số 29, 38, 32, 40 theo thứ tự từ bé đến lớn.

3



37 ... 34

20 ... 9

$25 + 4 \dots 25 - 4$



? 25 ... 28

20 ... 30

$16 + 0 \dots 16 - 0$



14 ... 10

29 ... 40

$36 - 6 \dots 10 + 30$

4

Tô màu số lớn nhất.

25

18

31

32

37

35

5

Tô màu số bé nhất.

40

8

36

20

29

24

6

Viết các số sau theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.

b) Từ lớn đến bé.

15

30

22

7

20

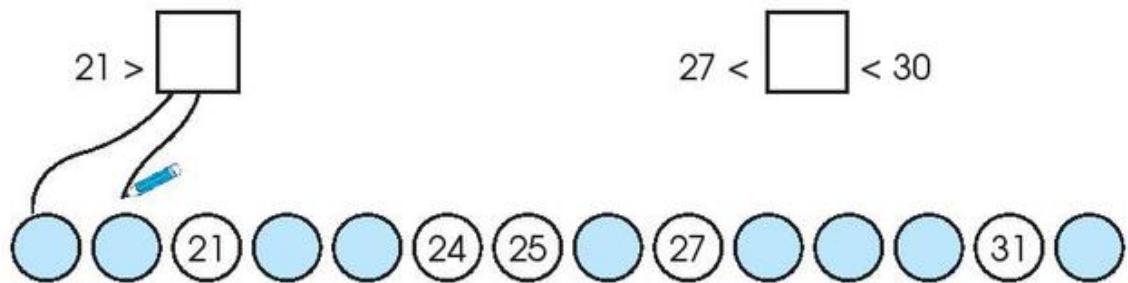
26

40

31

7 Nối (theo mẫu).

$$21 > \square$$



$$27 < \square < 30$$

$$22 < \square < 24$$

$$30 < \square$$

8



- Viết số trái cây ở mỗi tranh.
- So sánh hai số vừa tìm được.

9 Sáng chủ nhật ở nhà em.



a) Vẽ kim giờ phù hợp.

c) Khoanh vào câu trả lời đúng.

b) Viết số vào chỗ chấm.

Ai làm việc lâu nhất?

▪ Ba sơn phòng trong . . . giờ.

A. Ba    B. Em    C. Mẹ

▪ Em vẽ tranh trong . . . giờ.

▪ Mẹ nấu ăn trong . . . giờ.

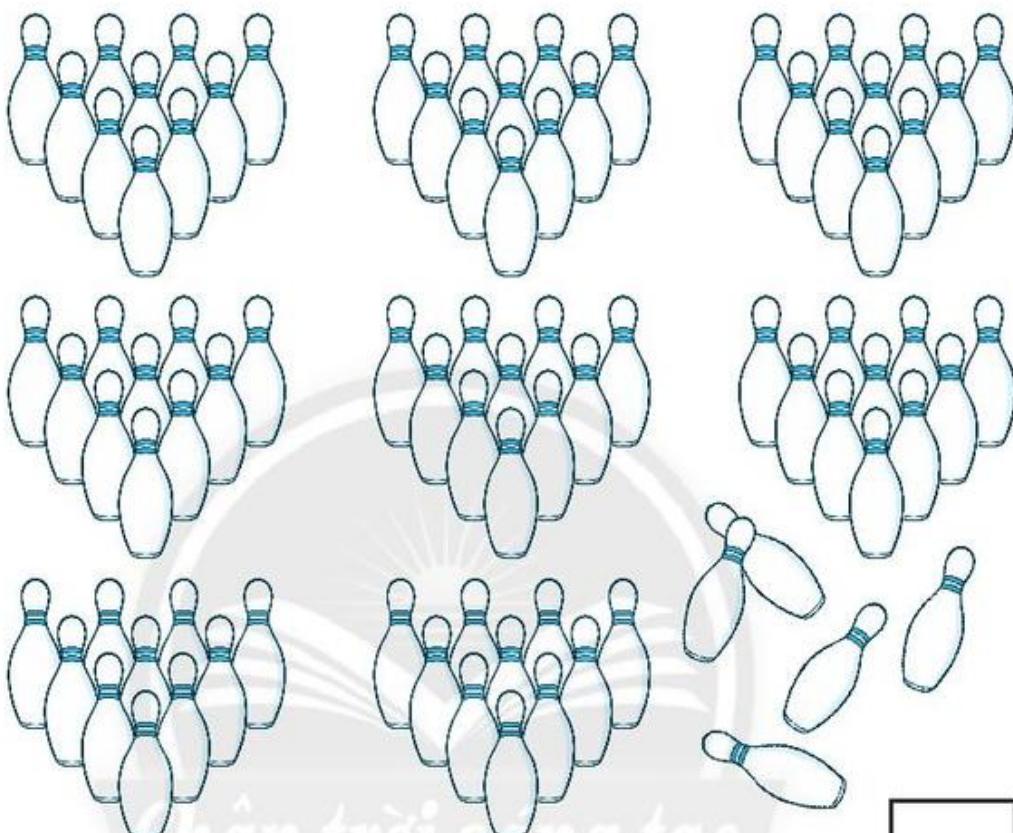


## CÁC SỐ ĐẾN 100

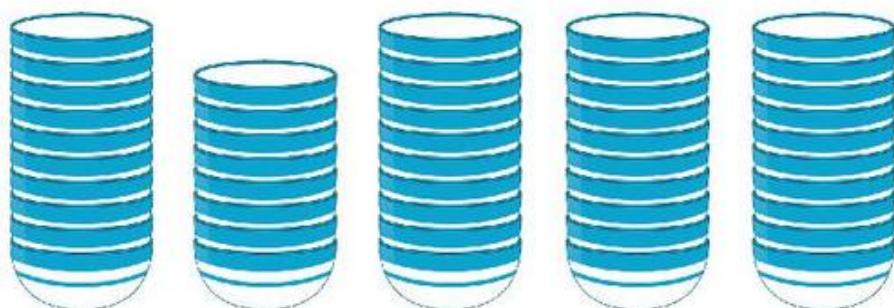
1

Đếm rồi viết số vào

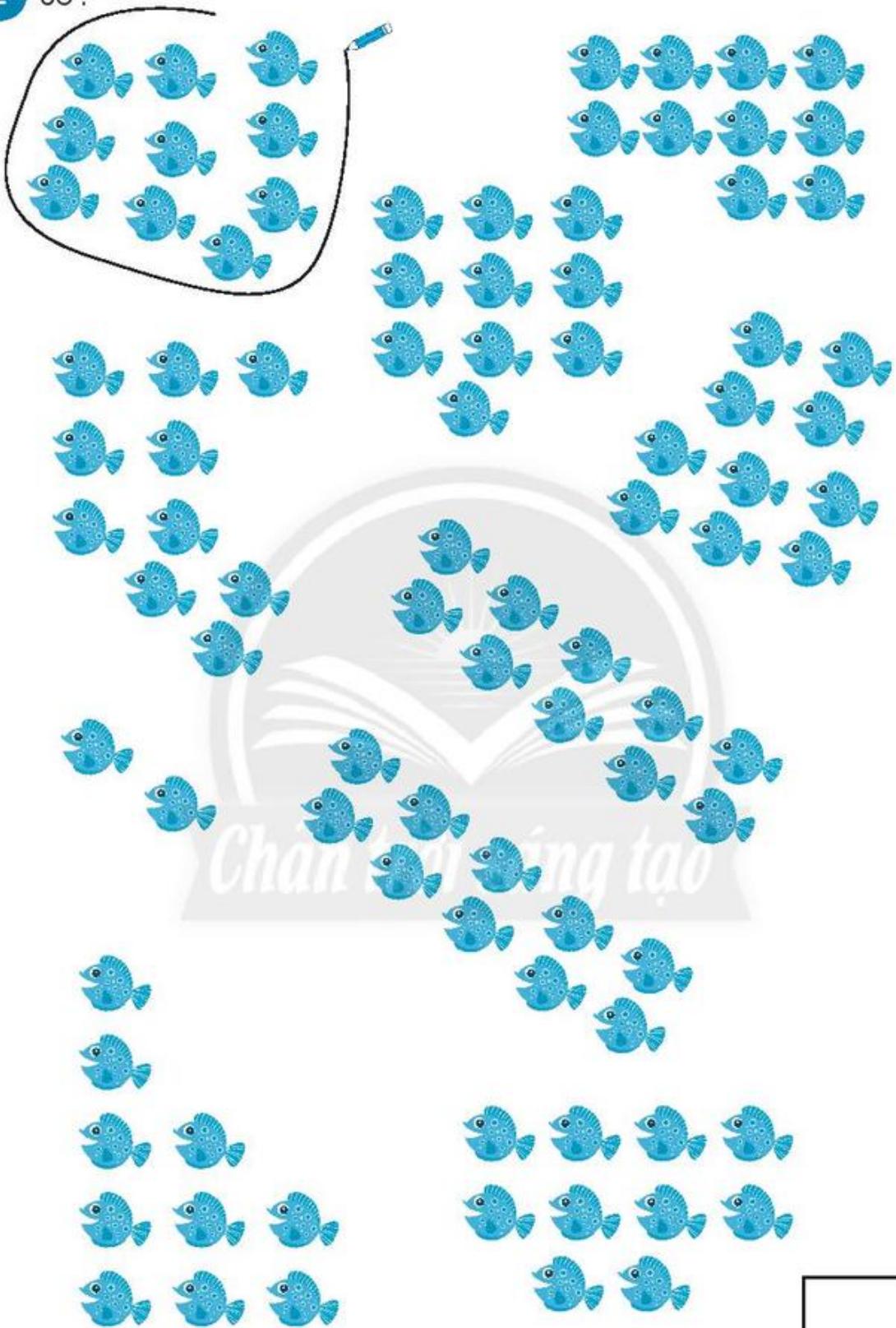
a)



b)



2 Số?

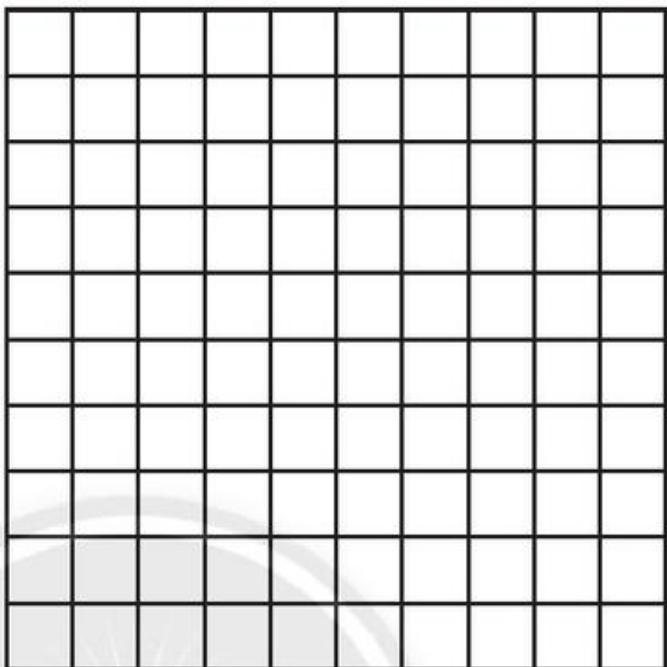


3 Có bao nhiêu món đồ?

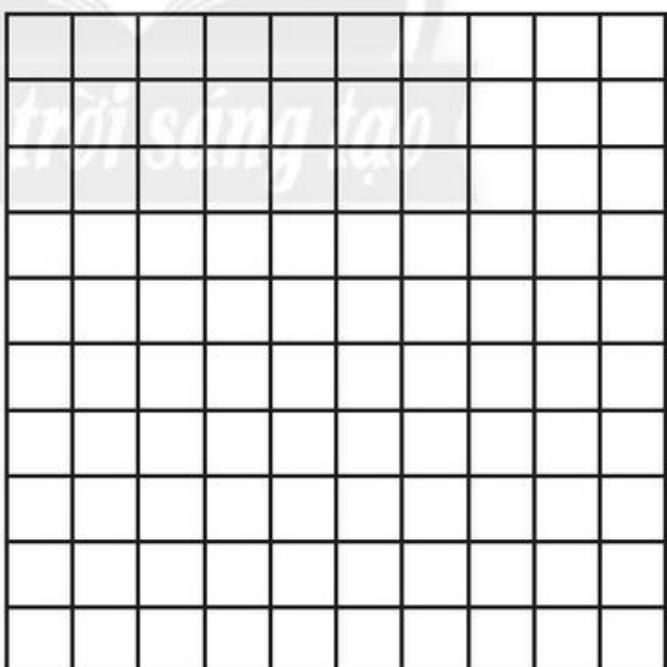


**4** Mỗi bảng sau gồm 100 ô vuông.

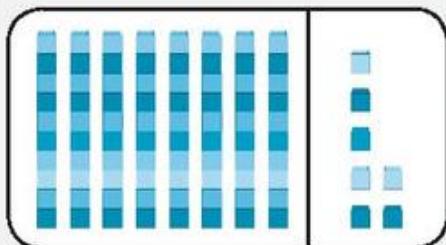
a) Tô màu 39 ô vuông.



b) Tô màu 61 ô vuông.

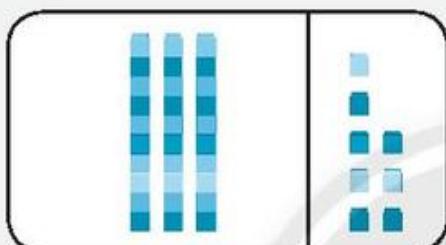


5 Viết theo mẫu.



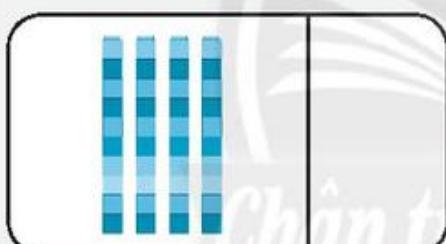
chục	đơn vị
8	7

$$87 = 80 + 7$$



chục	đơn vị
.....	.....

.....



chục	đơn vị
.....	.....

.....

6 Viết theo mẫu.

71 gồm 7 chục và 1 đơn vị

$$71 = 70 + 1$$

59 gồm ..... và .....

$$59 = \dots$$

26 gồm ..... và .....

$$26 = \dots$$

90 gồm ..... và .....

$$90 = \dots$$

7 Tính:

a)  $60 + 8 = \dots$        $68 - 8 = \dots$        $89 - 7 = \dots$   
 $40 + 50 = \dots$        $90 - 50 = \dots$        $3 + 61 = \dots$   
 $72 + 4 = \dots$        $76 - 4 = \dots$        $10 + 80 = \dots$

b)  $58 - 5 - 3 = \dots$        $82 + 7 - 9 = \dots$

8 Viết số vào  $\square$ .

$$50 + \square = 70$$

$$46 - \square = 41$$

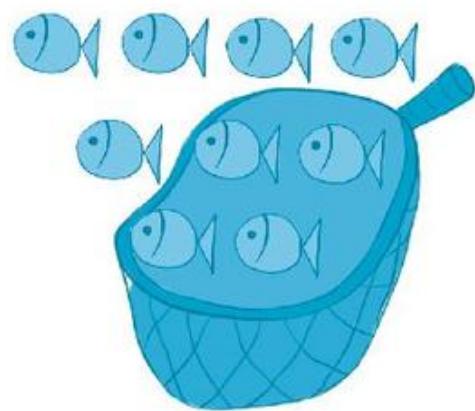
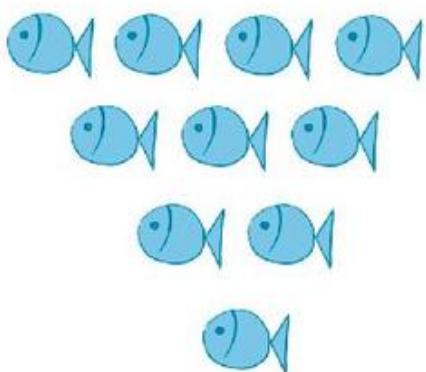
$$\square - 10 = 50$$

$$\square + 7 = 89$$

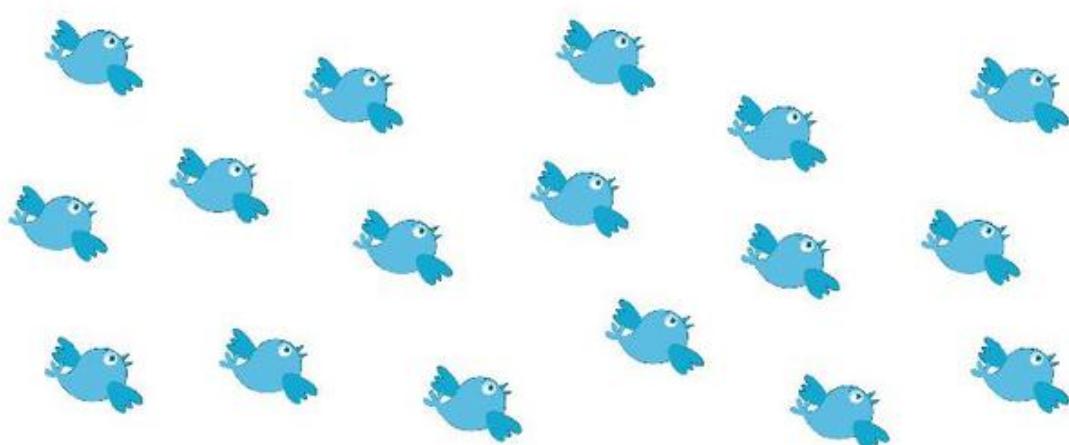
9 Nối các số để có sơ đồ tách - gộp số.



10 Dưới đây là tranh thể hiện phép tính  $19 - 4 = 15$ .



Em hãy khoanh nhóm để thể hiện phép tính  $37 - 5 = 32$ .





## BẢNG CÁC SỐ TỪ 1 ĐẾN 100

- 1 Viết các số còn thiếu.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55					
					66	67	68	69	70
	72	73			76			79	
			84		86		88		90
91		93		95		97		99	100

- 2 Viết vào chỗ chấm.

Viết số	Đọc số
...	bốn mươi mốt
51	.....
62	.....
...	bảy mươi ba

Viết số	Đọc số
	tám mươi bốn
...	tám mươi tư
95	.....
...	chín mươi chín

3 Viết số còn thiếu.

- a) 56, 57, 58, ..... , 64
- b) 72, 74, 76, ..... , 88
- c) 5, 10, 15, ..... , 45
- d) 41, 40, 39, ..... , 33

4



$69 \dots 64$

$54 \dots 45$

$96 - 6 \dots 90$



?  $70 \dots 58$

$8 \dots 50$

$4 + 80 \dots 87$



$42 \dots 44$

$17 \dots 31$

$20 + 60 \dots 100$

5 Tô màu số bé nhất.

92

67

74

20

43

7

6 Tô màu số lớn nhất.

85

82

87

91

61

71

7 Viết các số theo thứ tự:

a) Từ lớn đến bé.

b) Từ bé đến lớn.

75

36

80

19

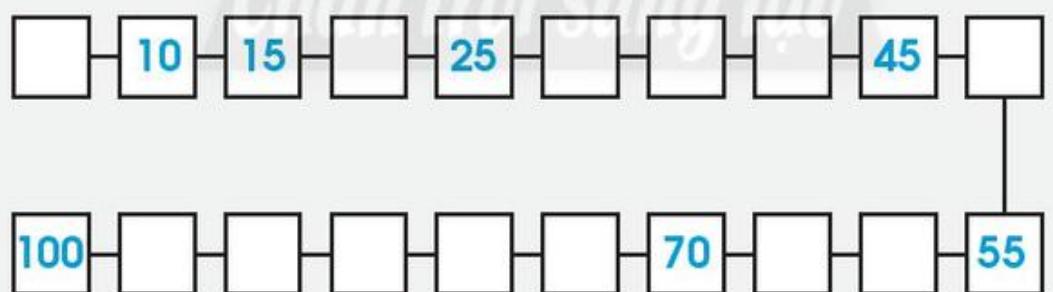
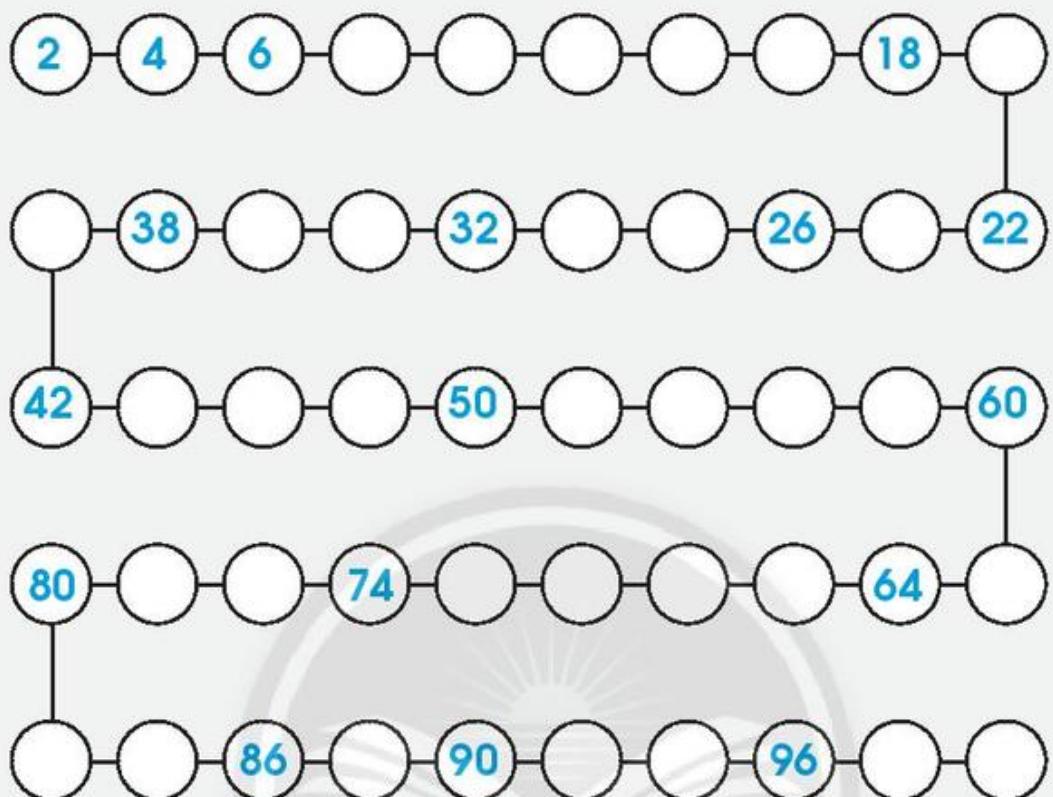
29

10

27

92

8 Số?



9

Có bao nhiêu?



cái nón  
(mũ)



bong bóng  
(bóng bay)

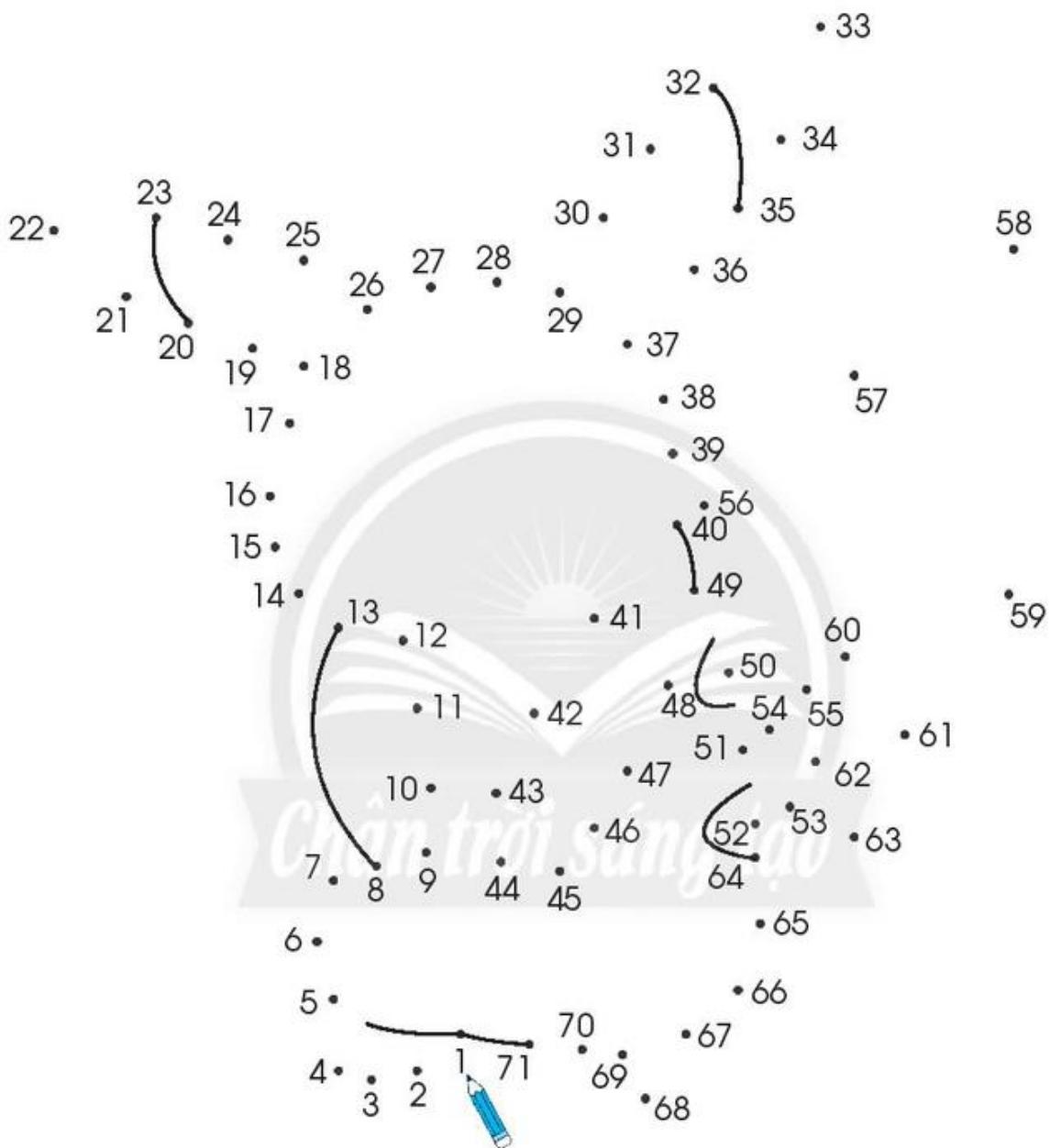


nút áo



ngón tay

- 10** Nối các số lần lượt từ bé đến lớn, bắt đầu từ số 1 (để tìm một nhân vật hoạt hình quen thuộc).



Hãy vẽ mắt, mũi, miệng và tô màu.

11

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

– Tô màu đỏ:

Hai số: 25, 26.

Bốn số từ 34 đến 37.

Tám số: các số gồm 4 chục và 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 đơn vị.

– Tô màu xanh:

Sáu số: các số gồm 5 chục và 3, 4, 5, 6, 7, 8 đơn vị.

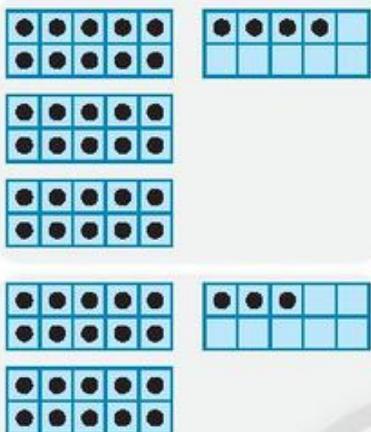
Bốn số: 63, 64, 67, 68.

Bốn số: 73, 74, 77, 78.



## CÁC PHÉP TÍNH DẠNG 34 + 23, 57 - 23

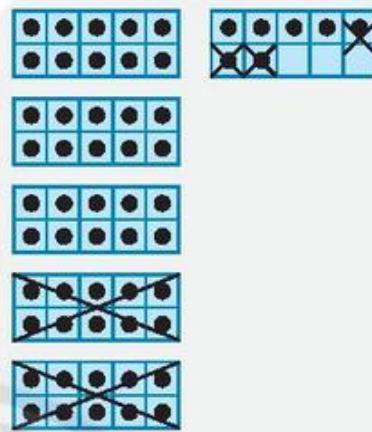
1 Tính.



$$4 + 3 = \dots$$

$$30 + 20 = \dots$$

$$\begin{array}{r} 34 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$$



$$7 - 3 = \dots$$

$$50 - 20 = \dots$$

$$\begin{array}{r} 57 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$$

2 Tính.

$$\begin{array}{r} 46 \\ + 12 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 46 \\ + 12 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72 \\ + 25 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 61 \\ + 8 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 96 \\ - 34 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 79 \\ - 20 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 57 \\ - 4 \\ \hline \dots \end{array}$$

3 Đặt tính rồi tính.

$$32 + 57$$

$$87 - 16$$

$$98 - 6$$

$$53 + 6$$

4 Tính bằng cách đếm thêm, đếm bớt.

$$34 + 23 = ?$$

Bước 1

$$34 + 20$$



Bước 2

$$54 + 3$$



$$34 + 23 = 57$$

$$57 - 23 = ?$$

Bước 1

$$57 - 3$$



Bước 2

$$54 - 20$$



$$57 - 23 = 34$$

a)  $76 + 20 = \dots$

$42 + 30 = \dots$

$59 + 40 = \dots$

$25 + 12 = \dots$

$46 + 23 = \dots$

b)  $84 - 3 = \dots$

$29 - 5 = \dots$

$65 - 4 = \dots$

$96 - 31 = \dots$

$77 - 42 = \dots$

c)  $23 - 3 + 7 = \dots$

$35 + 12 - 6 = \dots$

$87 - 50 - 37 = \dots$

5



?

$58 - 2 \dots 58 - 1 \dots 58 - 0$



6 Đúng ghi  đ, sai ghi  s.

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 13 \\ \hline 38 \end{array} \quad \boxed{\phantom{0}}$$

$$\begin{array}{r} 74 \\ + 2 \\ \hline 94 \end{array} \quad \boxed{\phantom{0}}$$

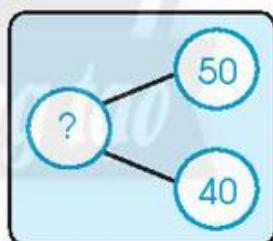
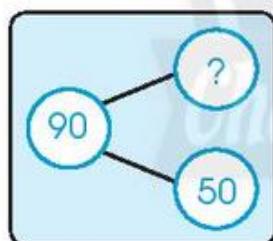
$$\begin{array}{r} 36 \\ - 3 \\ \hline 39 \end{array} \quad \boxed{\phantom{0}}$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ - 5 \\ \hline 42 \end{array} \quad \boxed{\phantom{0}}$$

7 Viết số vào ô trống.

36	+	12	=	
+		+		-
23	-		=	
=		=		=
	-	23	=	

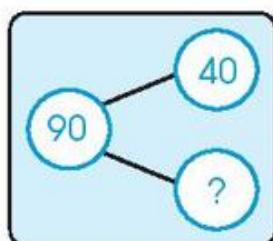
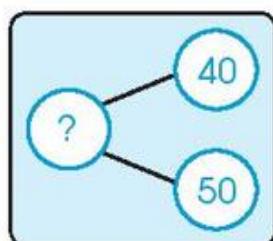
8 Nối sơ đồ với phép tính (theo mẫu).



$$40 + 50 = 90$$

$$90 - 50 = 40$$

$$90 - 40 = 50$$



9

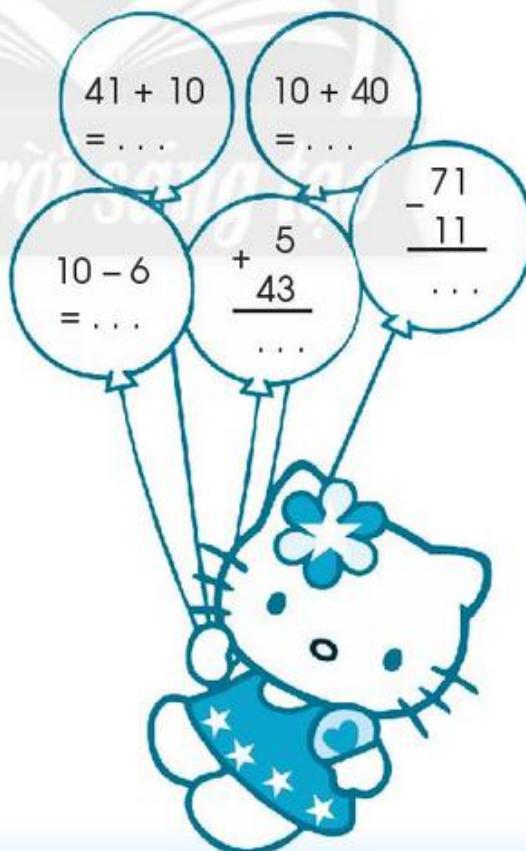
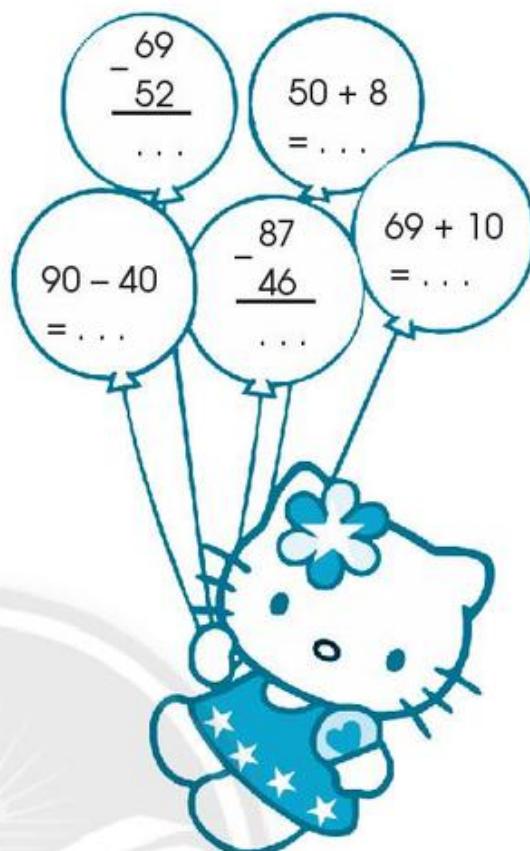
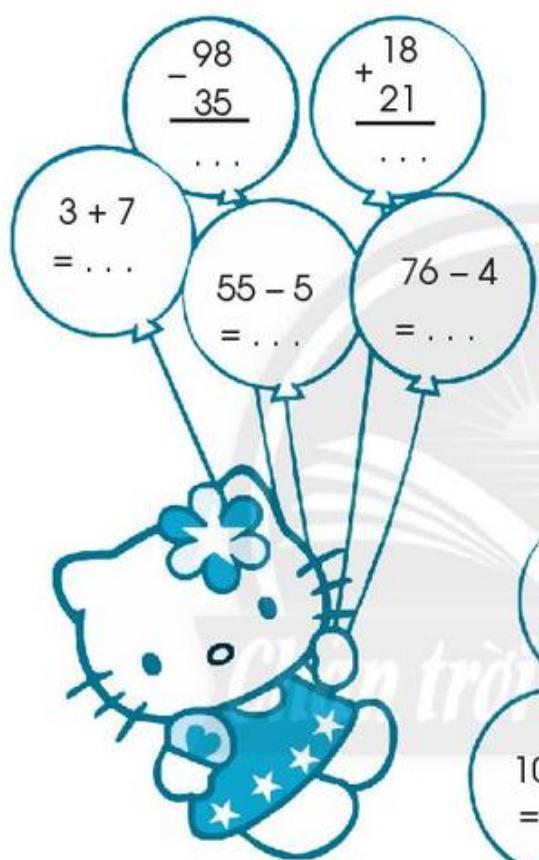
a) Tính.

b) Tô màu theo kết quả

Lớn hơn 50: đỏ

Bằng 50: vàng

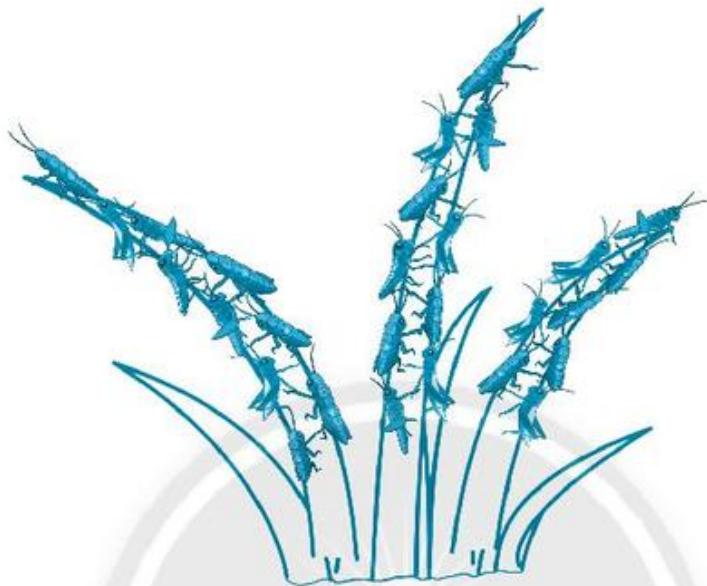
Bé hơn 50: xanh





# EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

- ## 1 Có bao nhiêu con châu chấu?



1

- 2** Viết số vào chỗ chấm.

16 gồm . . . chục và . . . đơn vị

... gồm 3 chục và 9 đơn vị

20 gồm . . . chục và . . . đơn vị

... gồm 2 chục và 4 đơn vị

- 3 Đúng ghi  đ, sai ghi  s.

11 đọc là: mười mốt

mười mốt

một môt

- #### 4 Đặt tính rồi tính.

$$17 + 42$$

54 - 34

8 + 61

79 - 5

5



?       $35 \dots 32$        $8 \dots 18$        $20 + 10 \dots 40 - 10$   
 $27 \dots 29$        $30 \dots 29$        $0 + 13 \dots 0 + 23$

6

a) Tính.

$21 + 8 = \dots$

b) Viết số vào chỗ chấm.

$80 - \dots = 50$

$37 - 5 = \dots$

$\dots + 40 = 70$

$3 + 30 = \dots$

$30 + \dots = 36$

$29 - 9 = \dots$

$25 - \dots = 20$

7



Quan sát tranh.

Viết số vào chỗ chấm, viết phép tính vào các ô trống.

a) Đồng hồ hình tròn có: ... cái.

Đồng hồ hình vuông có: ... cái.

Tất cả có:

			=	
--	--	--	---	--

b) Tất cả có: ... cái.

Đồng hồ chỉ 3 giờ có: ... cái.

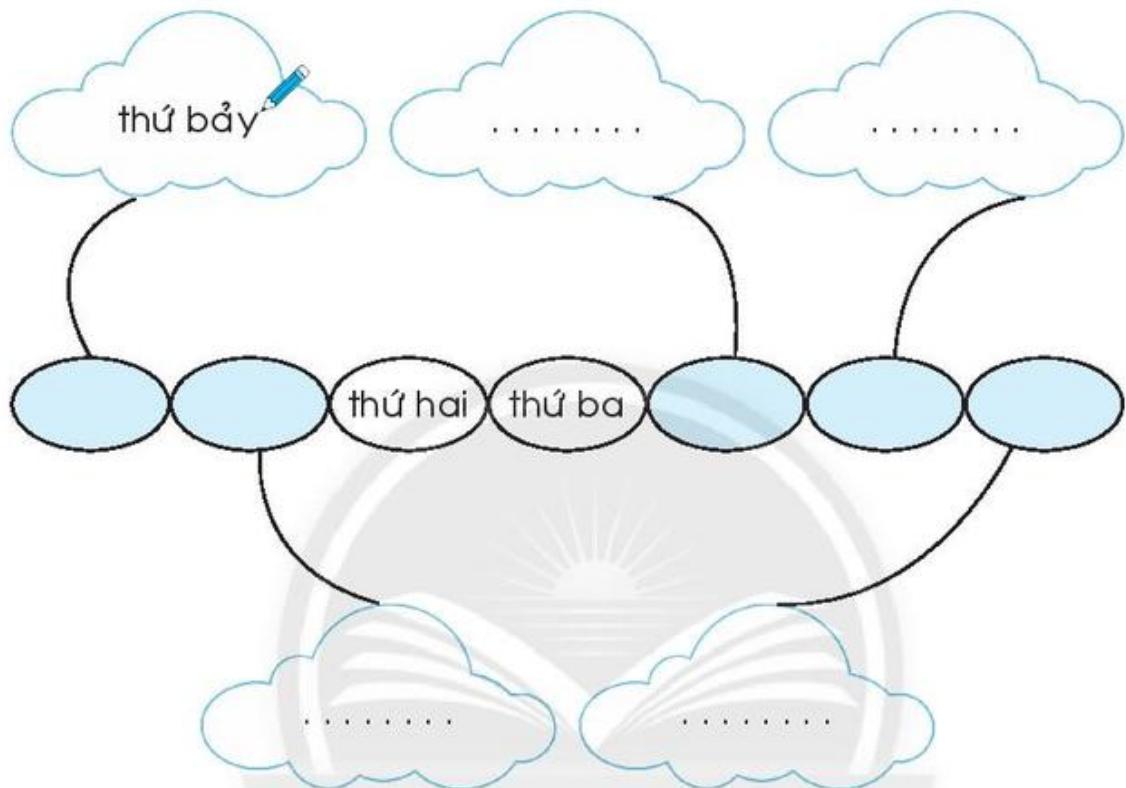
Còn lại:

			=	
--	--	--	---	--



## CÁC NGÀY TRONG TUẦN

- 1 Viết theo mẫu.



*Chân trời sáng tạo*

- 2 Viết vào chỗ chấm.

- Một tuần có ... ngày.
- Trong mỗi tuần:
  - Em đi học ... ngày; từ thứ ..... đến thứ .....
  - Em được nghỉ ... ngày; thứ ..... và .....
  - Em thích nhất ngày .....  
vì .....

3

a) Tô màu:

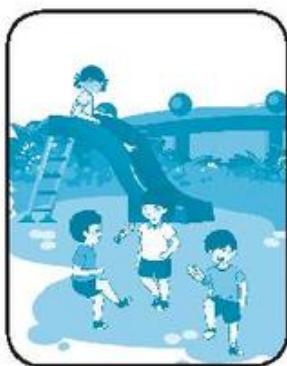
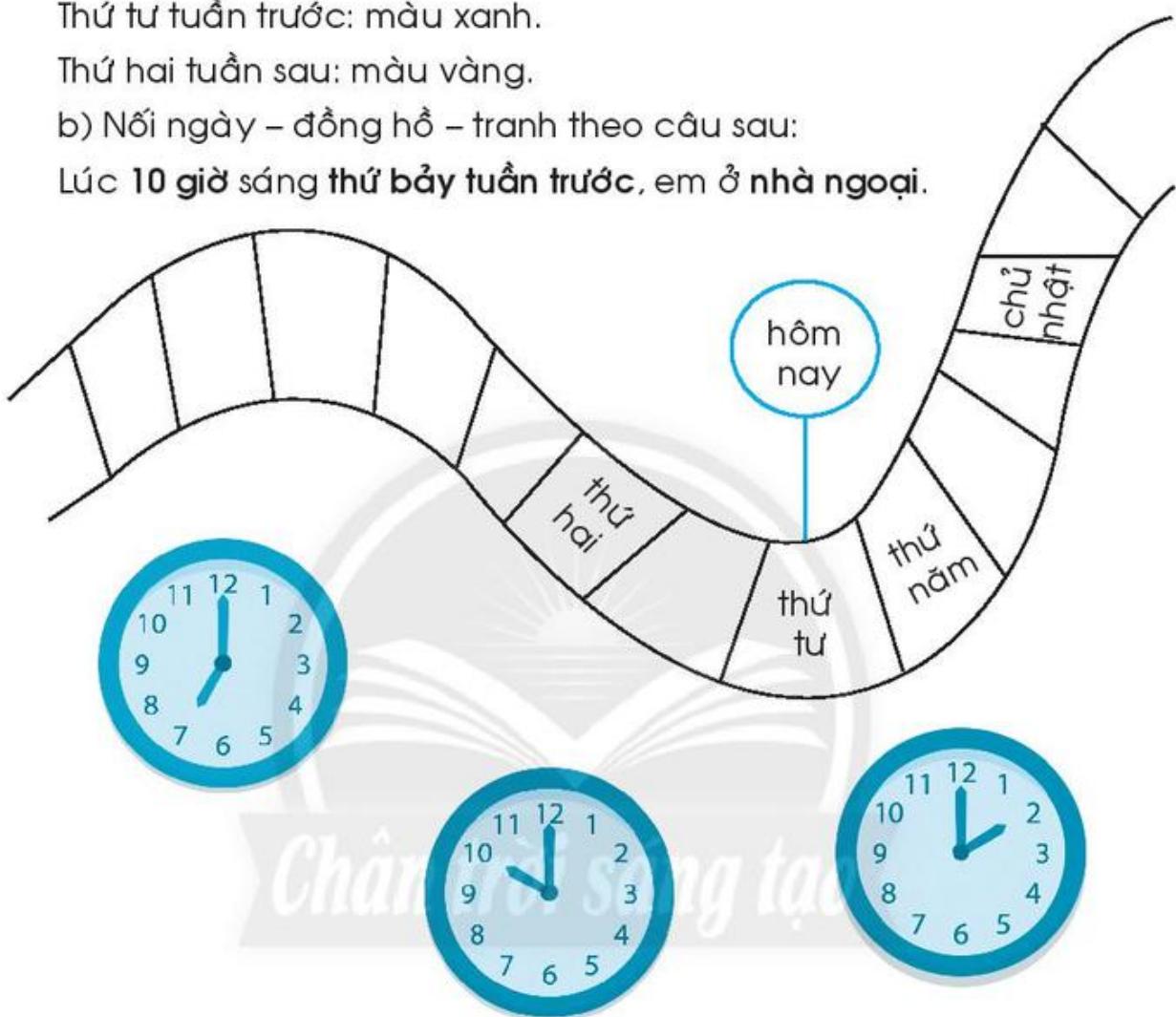
Hôm nay: màu đỏ.

Thứ tư tuần trước: màu xanh.

Thứ hai tuần sau: màu vàng.

b) Nối ngày – đồng hồ – tranh theo câu sau:

Lúc 10 giờ sáng thứ bảy tuần trước, em ở nhà ngoại.





## TỜ LỊCH CỦA EM

1



a

b

c

d

Em xem các tờ lịch trên rồi viết vào chỗ chấm.

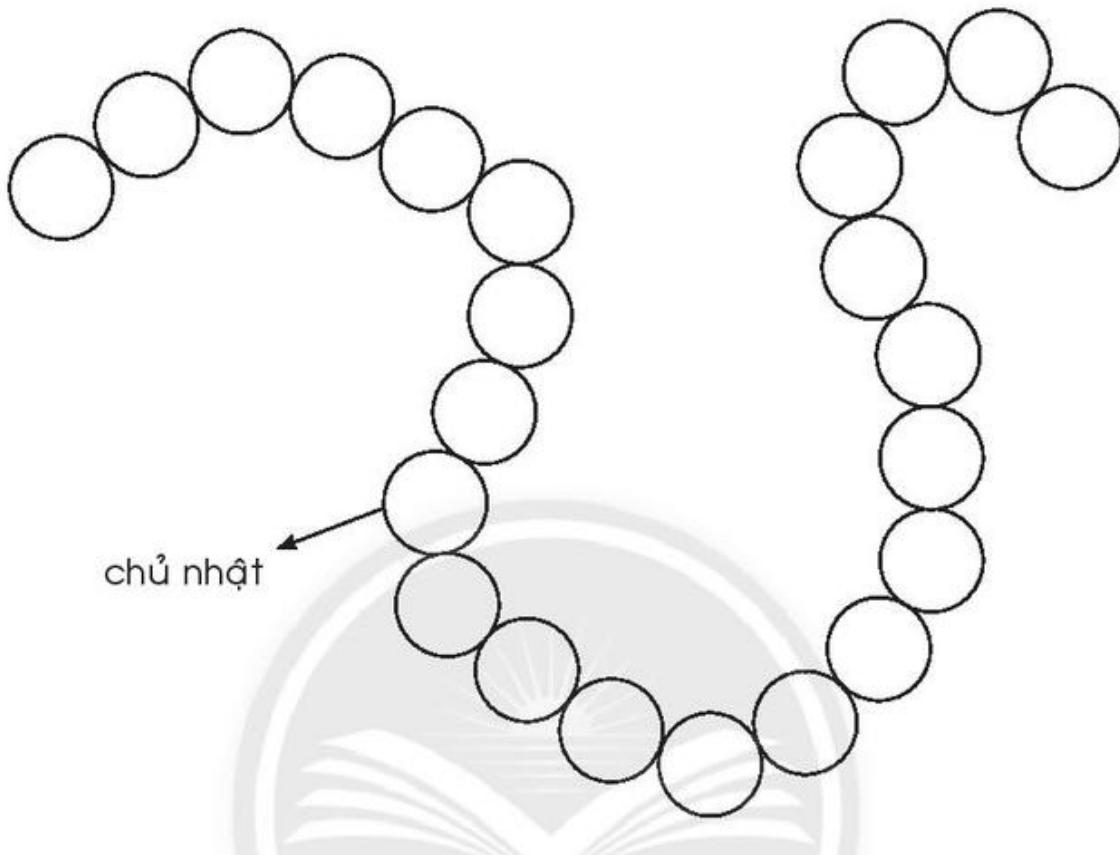
- a) Thứ ..... ngày .....
- b) Thứ ..... ngày .....
- c) Thứ ..... ngày .....
- d) Thứ ..... ngày .....

2

Nối theo mẫu.



**3** Các ngày trong tuần.



a) Tô màu đỏ vào các ngày chủ nhật.

b) Viết vào chỗ chấm:

Từ chủ nhật này, nếu đếm tiếp 7 ngày hay đếm lùi lại 7 ngày  
em lại được ngày .....

**4** Em xem lịch ngày hôm nay rồi viết vào chỗ chấm.

a) Hôm nay là thứ ..... ngày .....

b) Còn 1 tuần nữa là đến sinh nhật chị Lan. Vậy sinh nhật chị Lan  
là thứ ..... ngày .....

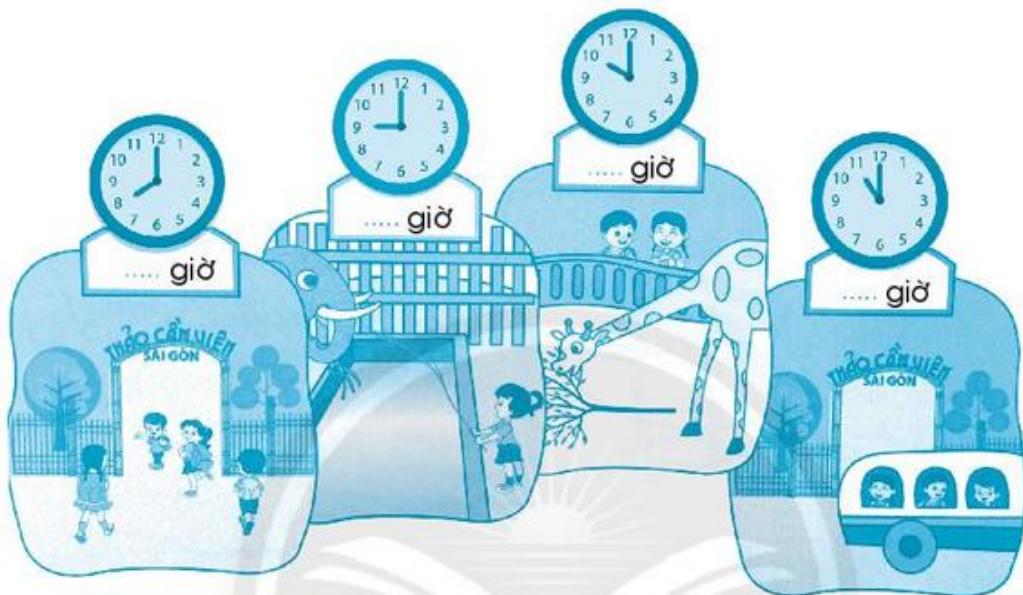
c) Chủ nhật vừa rồi em được ba đưa đi xem xiếc. Hôm đó là  
ngày .....



## THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

1 Viết vào chỗ chấm.

a)



b) Viết vào chỗ chấm.

- Vào lúc ... giờ, chúng em tới cổng Thảo Cầm Viên.
- Lúc ... giờ, em và các bạn đang xem con voi.
- Sau đó ... giờ, chúng em xem con hươu cao cổ.
- Chúng em ra về lúc ... giờ.

2 Xe chở em đi tham quan Thảo Cầm Viên có:

bạn trai	14 bạn
bạn gái	21 bạn
cả lớp	... bạn?

Viết phép tính tìm số bạn cả lớp

.....

3

a) Xem lịch ngày hôm nay, viết vào chỗ chấm.

Hôm nay là ..... ngày .....

b) Đánh dấu (✓) vào ngày hôm nay.

c) Tô màu đỏ vào thứ bảy, chủ nhật tuần này.

d) Nối thứ bảy, chủ nhật tuần này với các hoạt động mà em yêu thích.





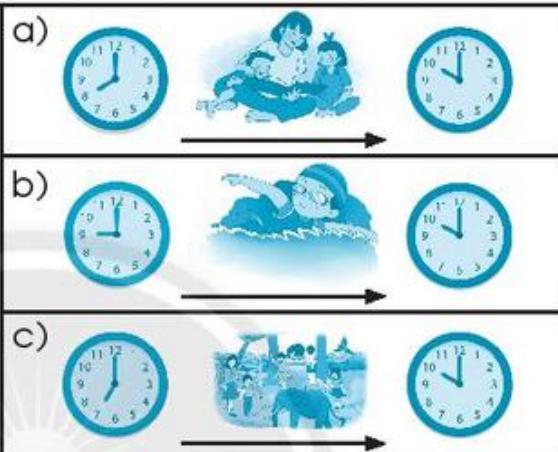
## KIỂM TRA

### A. TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Câu 1.

Sáng chủ nhật,  
mỗi bạn làm một việc.  
Người làm lâu nhất là  
A. Bạn ở hình a  
B. Bạn ở hình b  
C. Bạn ở hình c



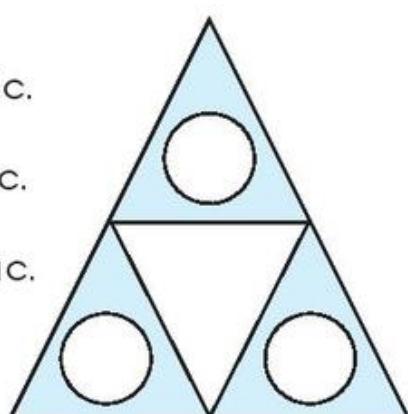
Câu 2. Hình vẽ sau có bao nhiêu cái lon?

- A. 10
- B. 11
- C. 21



Câu 3. Hình vẽ bên có:

- A. 3 hình tròn và 1 hình tam giác.
- B. 3 hình tròn và 4 hình tam giác.
- C. 3 hình tròn và 5 hình tam giác.



## B. TỰ LUẬN

I. Đúng ghi **d**, sai ghi **s**.

Câu 1.

95 đọc là:

- Chín mươi năm
- Chín mươi lăm

Sáu mươi bảy viết là:

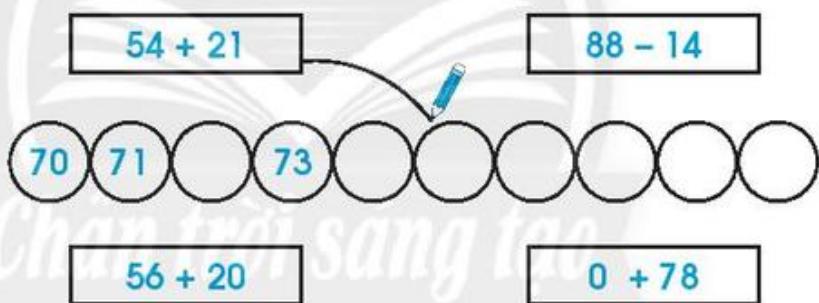
- 67
- 607

Câu 2.

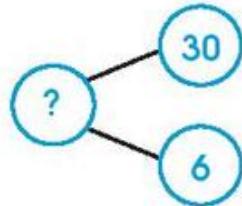
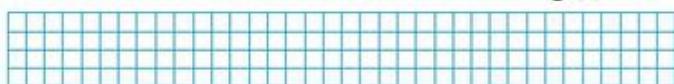
$$\begin{array}{r} - 86 \\ - 35 \\ \hline 51 \end{array}$$
$$\begin{array}{r} - 47 \\ - 21 \\ \hline 68 \end{array}$$
$$\begin{array}{r} + 52 \\ + 4 \\ \hline 92 \end{array}$$
$$\begin{array}{r} + 3 \\ + 66 \\ \hline 69 \end{array}$$

II. Làm theo các yêu cầu sau.

Câu 3. Nối theo mẫu.



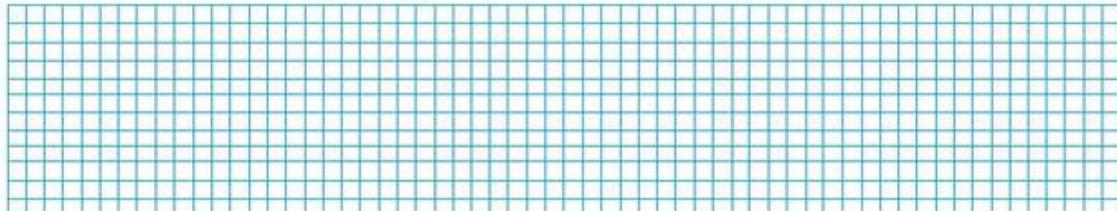
Câu 4. Viết phép tính phù hợp với sơ đồ tách - gộp số.



Câu 5. Đặt tính rồi tính.

$$94 - 32$$

$$5 + 52$$





## ĐỘ DÀI

- 1 a) Tô màu các băng giấy theo chỉ dẫn:

xanh

đỏ

vàng

- b) Dùng các từ dài hơn, ngắn hơn, dài nhất, ngắn nhất viết vào chỗ chấm.

- Băng giấy xanh ..... băng giấy đỏ, nhưng .....
- băng giấy vàng.
- Băng giấy đỏ .....
- băng giấy vàng .....

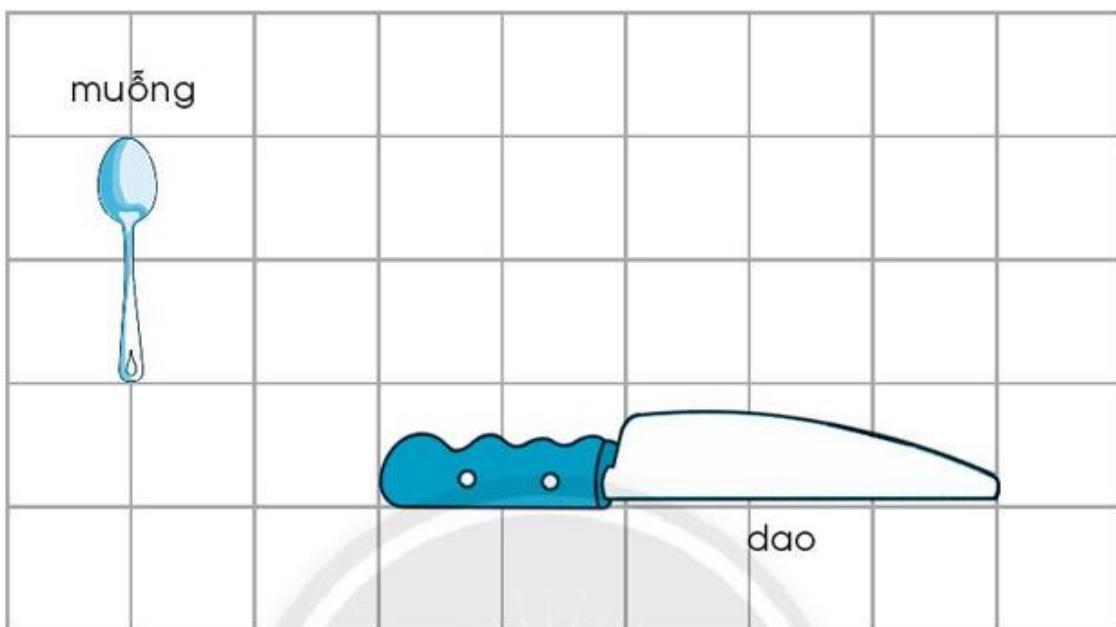
- 2 Tô màu các tòa nhà:

Cao nhất: màu xanh.

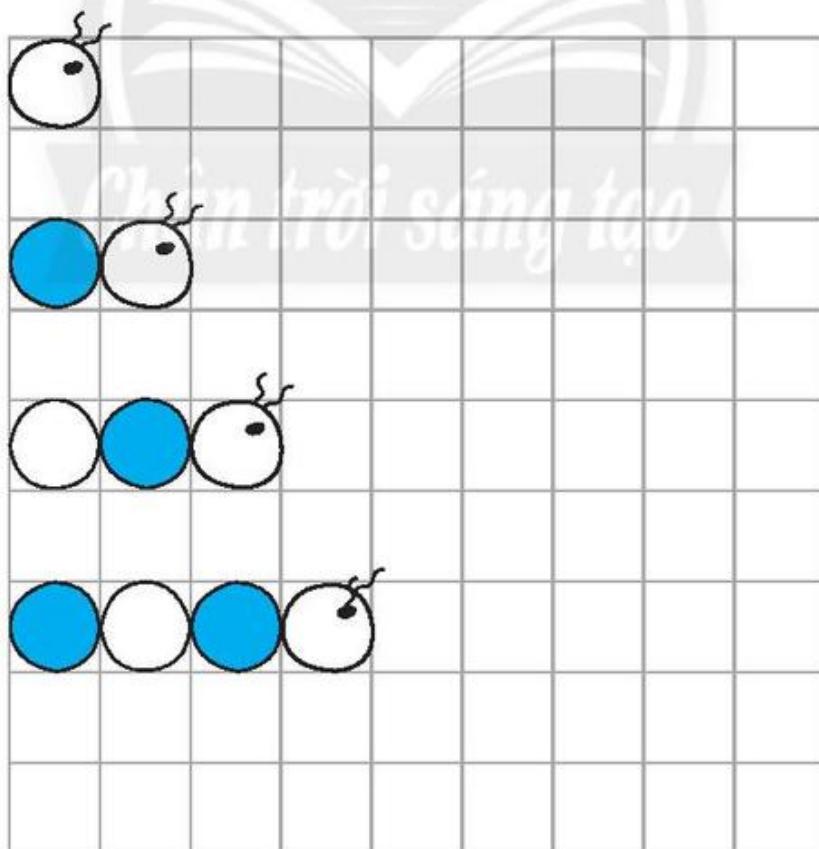
Thấp nhất: màu đỏ.



3 Vẽ một đồ vật dài hơn cái muỗng (thìa) nhưng ngắn hơn con dao.



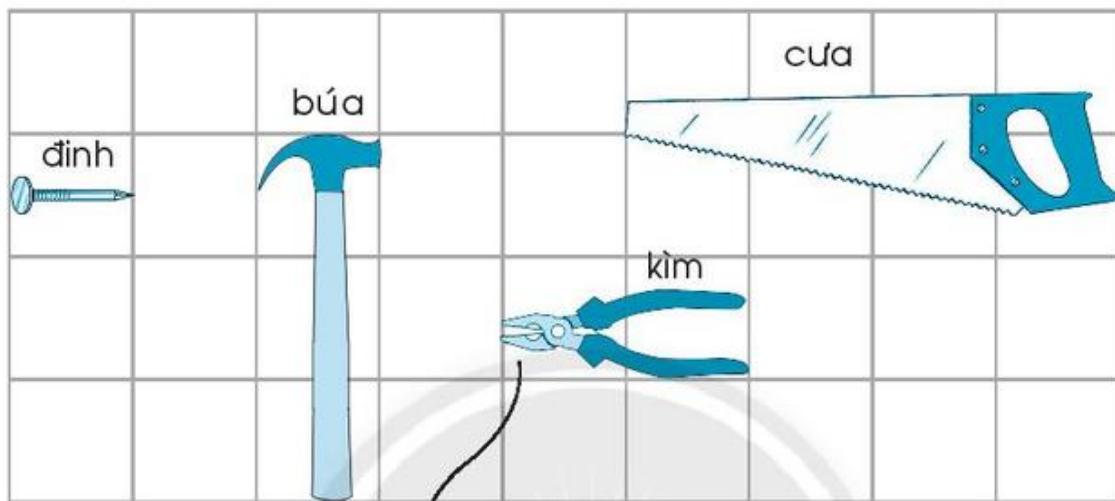
4 Vẽ con sâu tiếp theo.





## ĐO ĐỘ DÀI

- 1 Nối theo mẫu để sắp thứ tự từ ngắn đến dài.



ngắn nhất

dài nhất

- 2 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

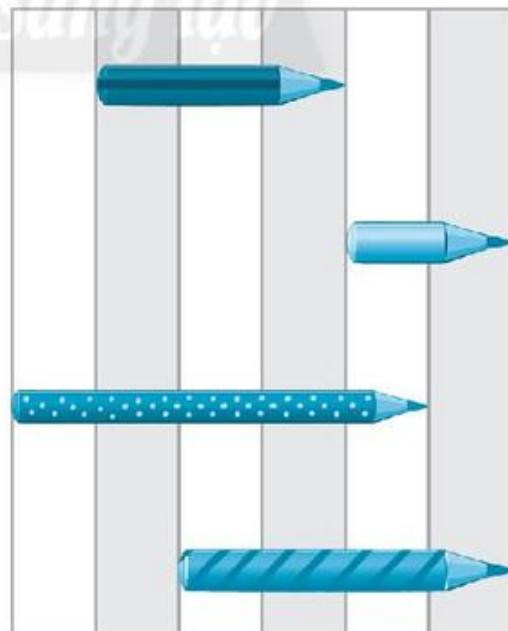
Cây bút nào dài hơn

nhưng ngắn hơn ?

A.

B.

C.



3 Ước lượng, đo, viết số đo bàn học của em.



	Ước lượng	Đo
Chiều dài	khoảng ..... gang tay	..... gang tay
Chiều rộng	khoảng ..... gang tay	..... gang tay
Chiều cao	khoảng ..... gang tay	..... gang tay

4



Hành lang ngoài lớp học dài khoảng ... bước chân.

5

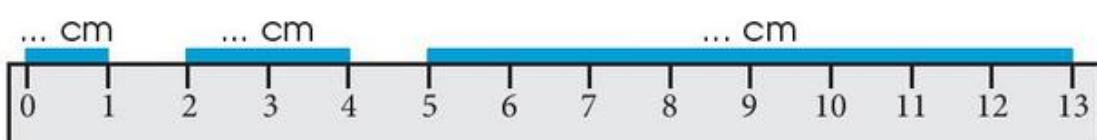
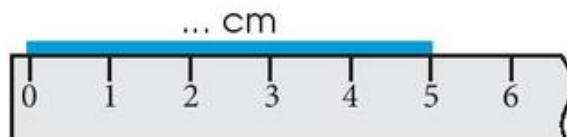
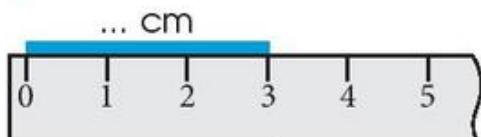


1 vòng sân trường dài khoảng ... bước chân.



## XĂNG-TI-MÉT. ĐƠN VỊ ĐO ĐỘ DÀI

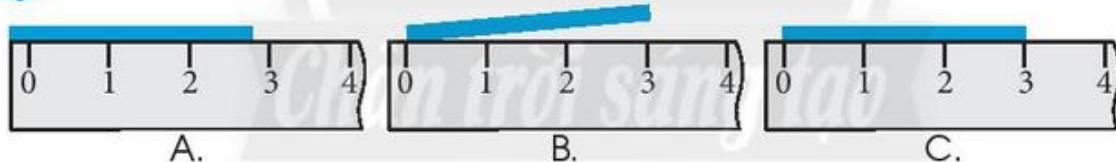
- 1 Viết số đo.



- 2 Tập viết.

cm  
6 cm  
20 cm

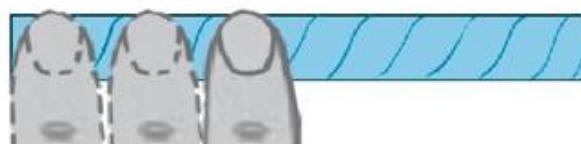
- 3 Khoanh vào chữ cái dưới hình đặt thước đo đúng.



- 4 Đo bằng bụng ngón trỏ rồi đo bằng thước thẳng.

a)

Khoảng ... bụng ngón trỏ  
... cm

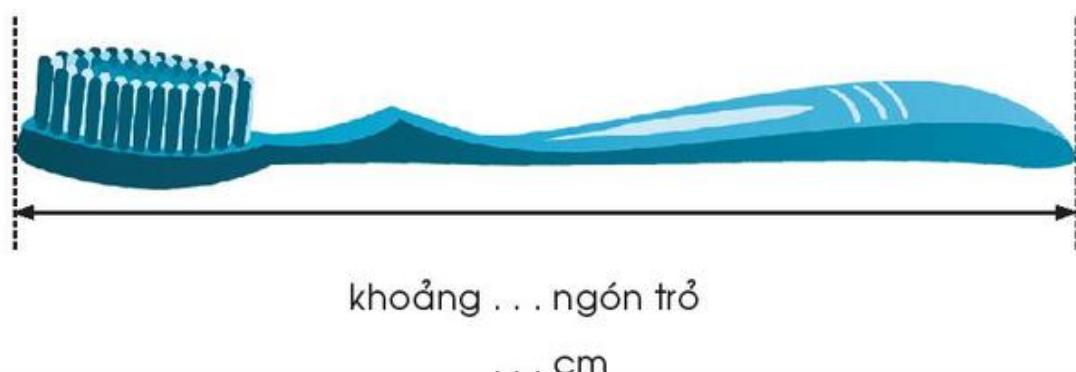
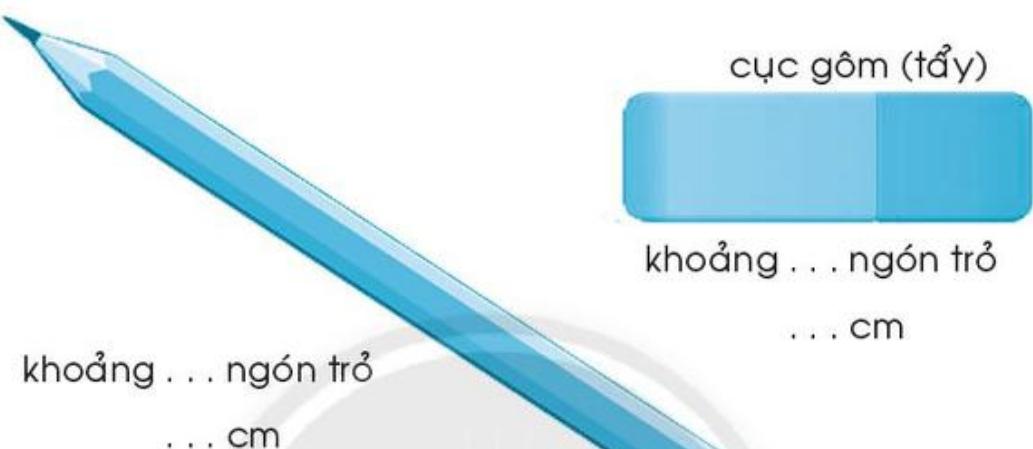
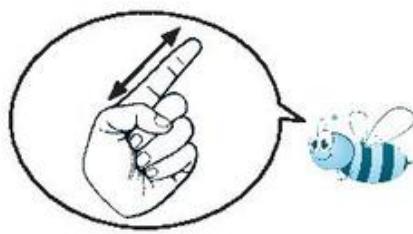


b)

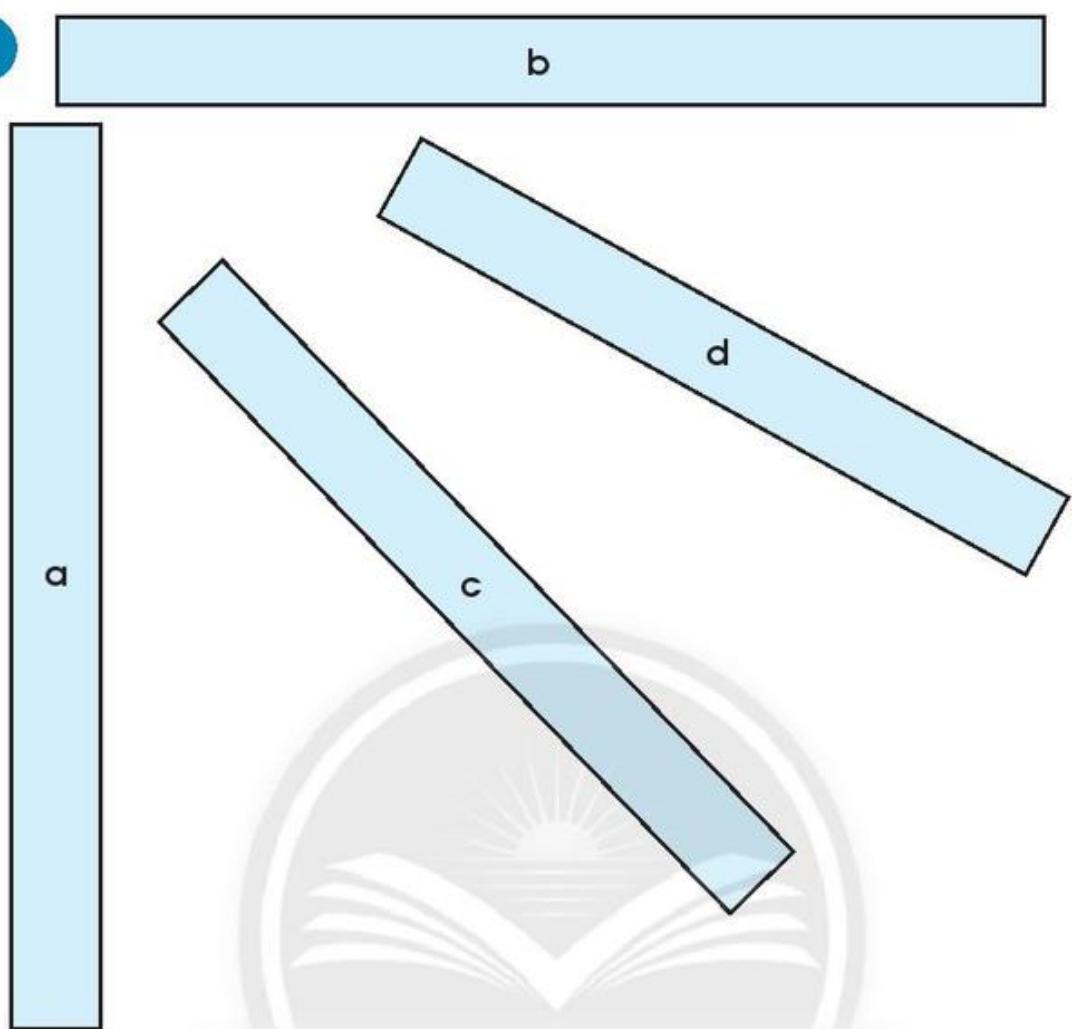
Khoảng ... bụng ngón trỏ  
... cm



5 Ước lượng theo ngón trỏ rồi đo.



6

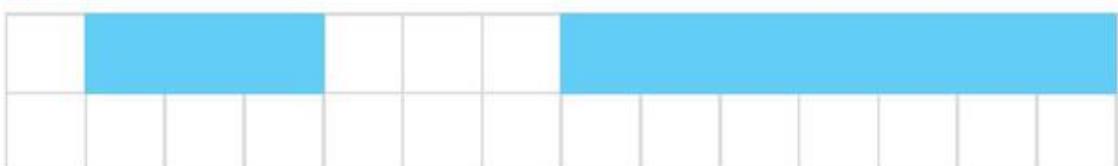


Ước lượng bằng mắt rồi dùng thước đo.

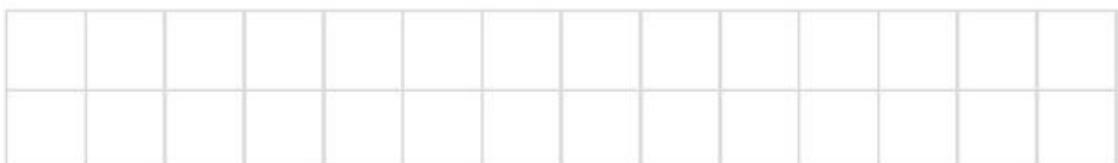
Các mảnh giấy theo thứ tự từ dài nhất đến ngắn nhất là:

7

Mẹ cắt băng giấy thành hai mảnh như sau:



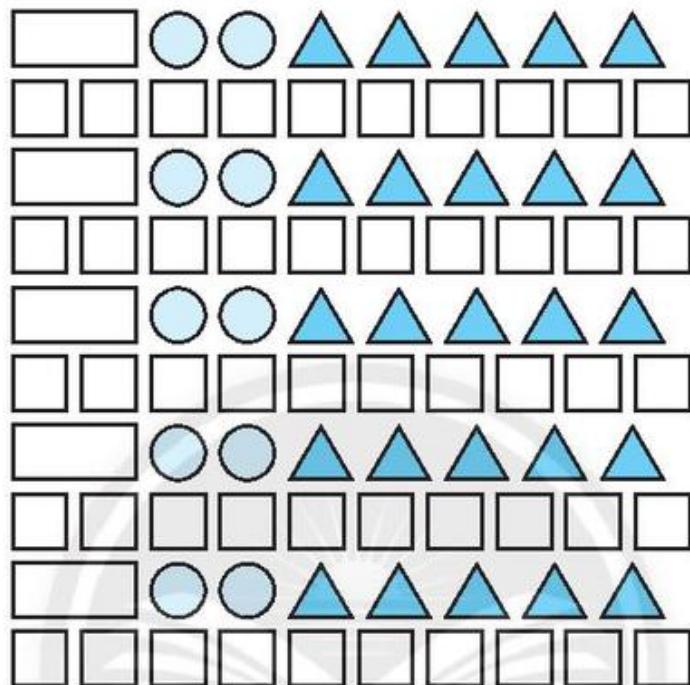
Em hãy vẽ băng giấy lúc chưa cắt.





## EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

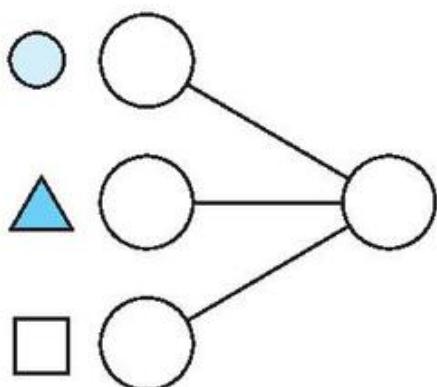
- 1 Quan sát các hình phẳng sau.



a) Đếm số hình mỗi loại.

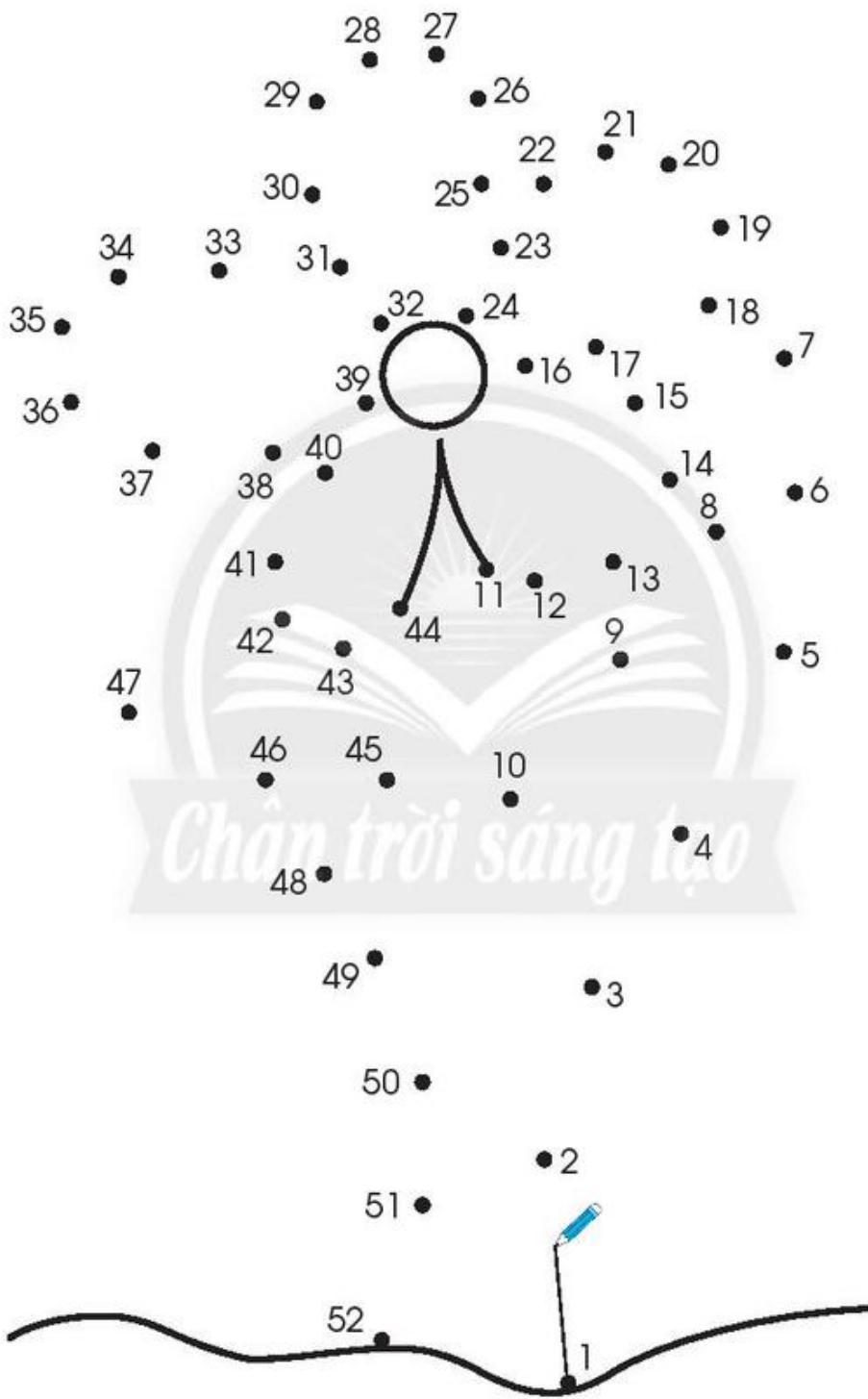
hình chữ nhật	hình tròn	hình tam giác	hình vuông	tất cả

b) Số?

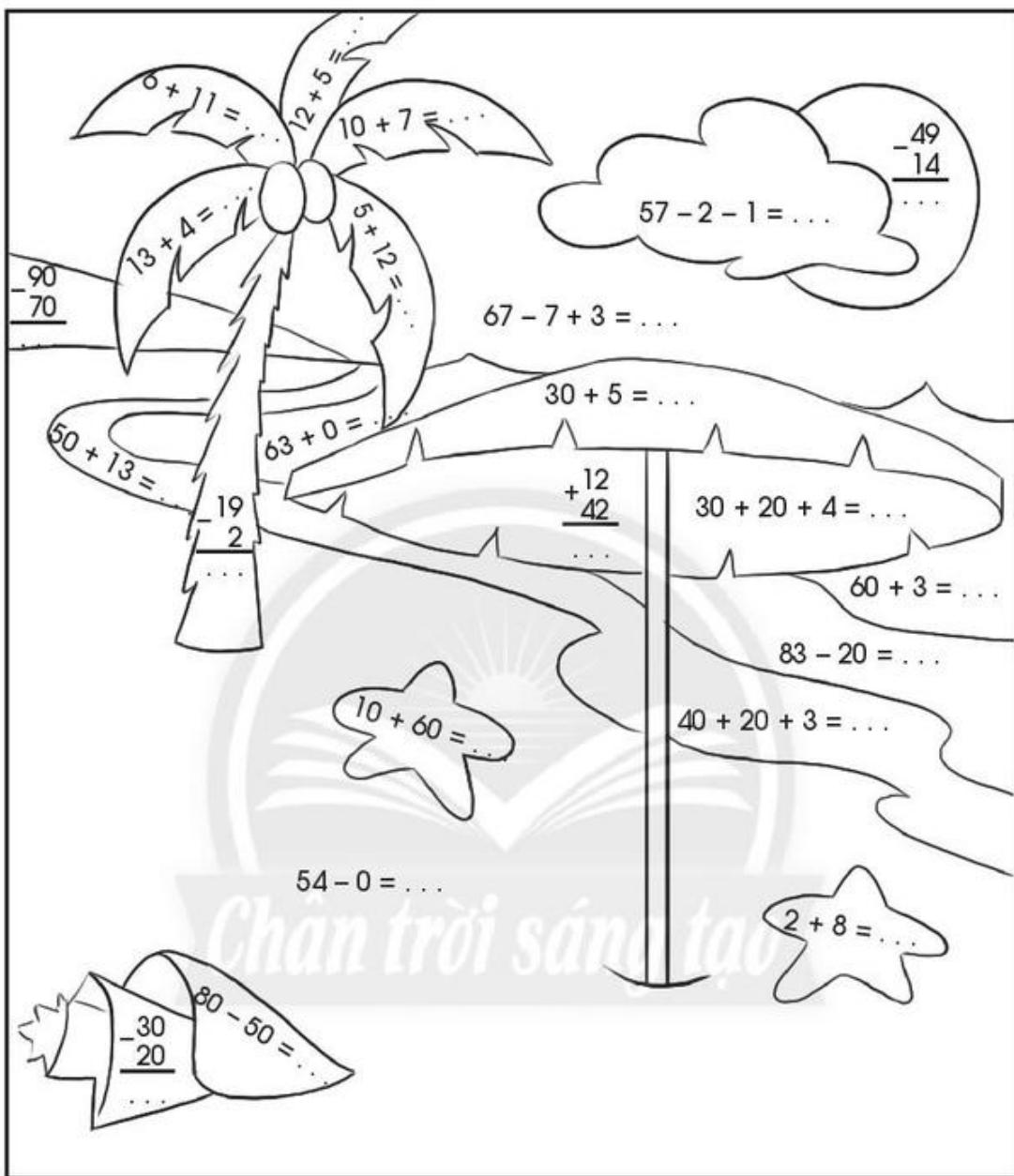


$$\square + \square + \square = \square$$

2 Nối lần lượt các số từ bé đến lớn rồi tô màu.



3 a) Tính.



b) Tô màu theo kết quả:

17 : xanh lá

Số tròn chục: vàng

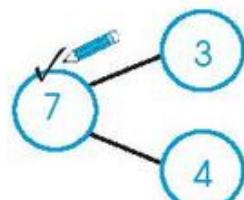
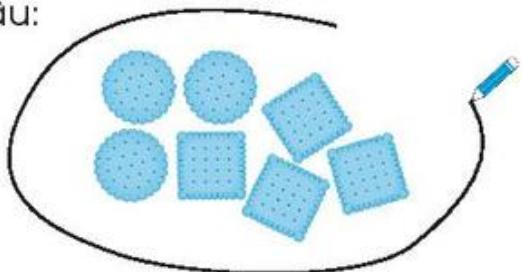
54 : hồng

35 : đỏ

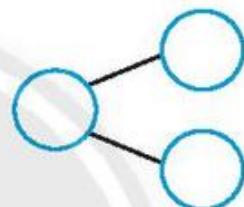
63 : xanh dương

4 Đâu là **tất cả**? (Làm theo mẫu.)

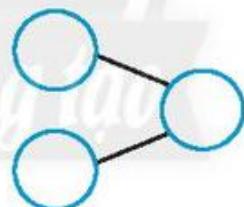
Mẫu:



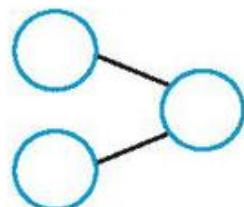
a)



b)



c)

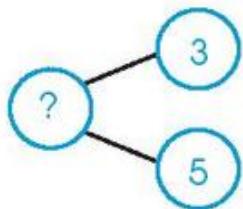


5 Nhận ra **tất cả** trong bài toán.

Làm theo mẫu.

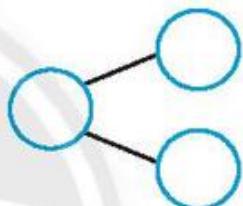
Mẫu:

Có 3 con mèo vàng và 5 con mèo mướp. Hỏi **tất cả** có bao nhiêu con mèo?



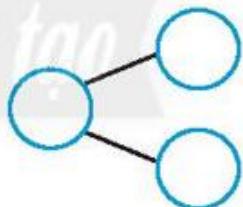
a)

An có **9** cái kẹo, An cho Hoà 4 cái kẹo. Hỏi An còn lại bao nhiêu cái kẹo?



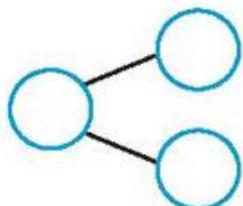
b)

Hùng có 6 lá cờ, Cường có 4 lá cờ. Hỏi cả hai bạn có bao nhiêu lá cờ?



c)

Trong hộp có 15 cái bánh và kẹo, trong đó có 3 cái bánh. Hỏi có bao nhiêu cái kẹo?



6 Viết vào chỗ chấm ở tóm tắt và sơ đồ tách – gộp số. Giải bài toán (**viết phép tính, nói câu trả lời**).

a)

Mẹ mua 12 cái bánh, ba mua thêm 6 cái bánh. Hỏi ba và mẹ mua tất cả bao nhiêu cái bánh?

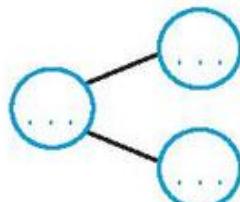


Tóm tắt

Mẹ : ... cái bánh

Ba : ... cái bánh

Tất cả: ... cái bánh



Giải

.....  
Trả lời: Ba và mẹ mua tất cả ... cái bánh.

b)

Trong chuồng có 25 con gà, trong đó có 14 con gà trống. Hỏi có bao nhiêu con gà mái?

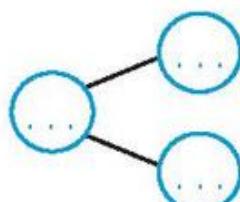


Tóm tắt

Có : ... con

Gà trống: .....

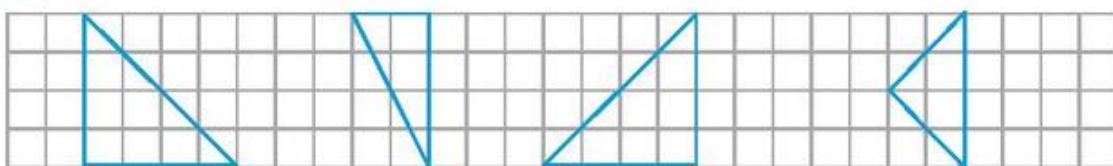
Gà mái : .....?



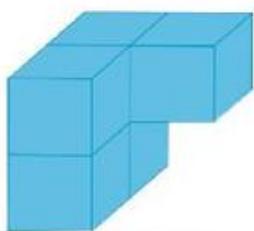
Giải

.....  
Trả lời: Có ... con gà mái.

- 7 Tô màu hai hình ghép lại được hình vuông.



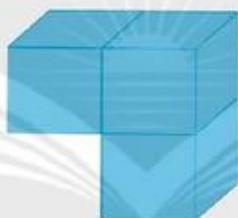
- 8 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.



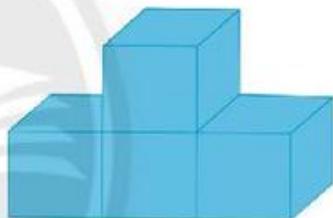
Khối hình nào dưới đây ghép với hình trên để được khối lập phương?



A.

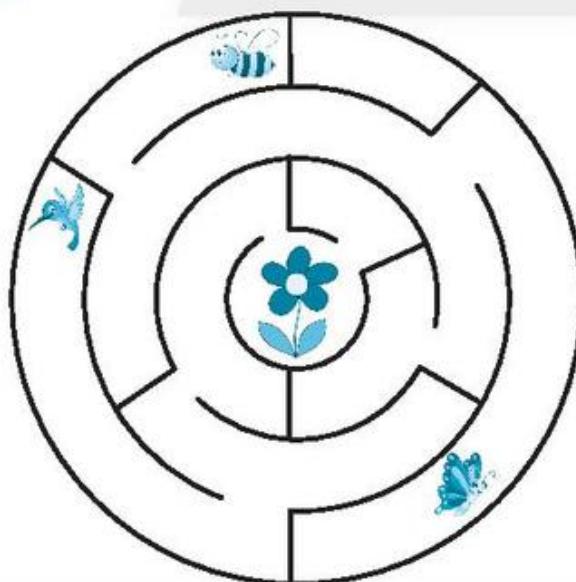


B.



C.

- 9



Con vật nào tìm thấy hoa?

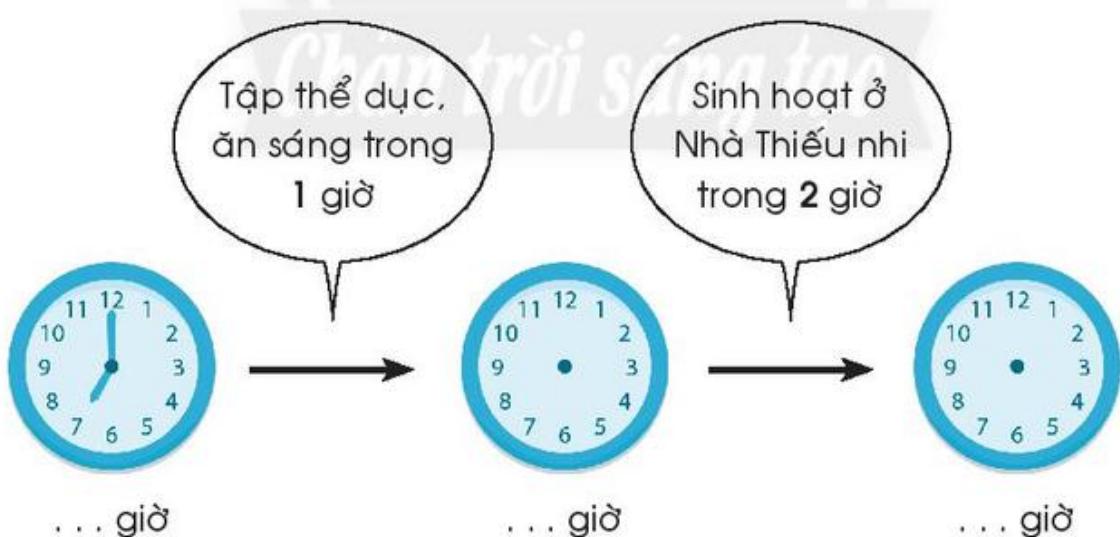
- A. Ong
- B. Chim ruồi
- C. Bướm

10 Đo bằng thước thẳng rồi so sánh số đo.

Đồ dùng	của em	của bạn	>   =   <
Đồ chuốt bút chì dài	3 cm	2 cm	3 cm <input type="text"/> > 2 cm
Bút chì dài	...	...	... cm <input type="text"/> ... cm
Cục gôm (tẩy) dài	...	...	... cm <input type="text"/> ... cm
Chiều dài Vở Bài tập Toán 1	...	...	... cm <input type="text"/> ... cm

11 Sáng chủ nhật của An.

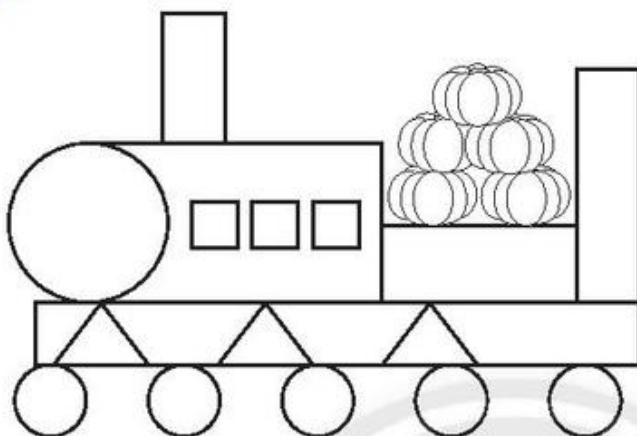
Viết số vào chỗ chấm. Vẽ kim phút và kim giờ phù hợp.





## ÔN TẬP CUỐI NĂM

1 Tô màu:



- cam
- vàng
- xanh lá
- xanh dương
- đỏ

2 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

a) Hình nào có hình vuông ở bên phải, hình tròn ở bên trái?

A.



B.



C.



D.



b) Hình vẽ bên **không có** hình nào?

A. Hình vuông

B. Hình tròn

C. Hình tam giác

D. Hình chữ nhật



c) Thêm vào hình bên ít nhất

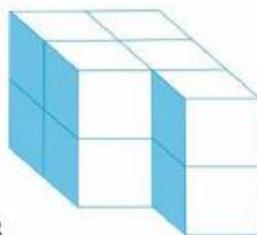
bao nhiêu để được khối hộp  
chữ nhật?

A. 0

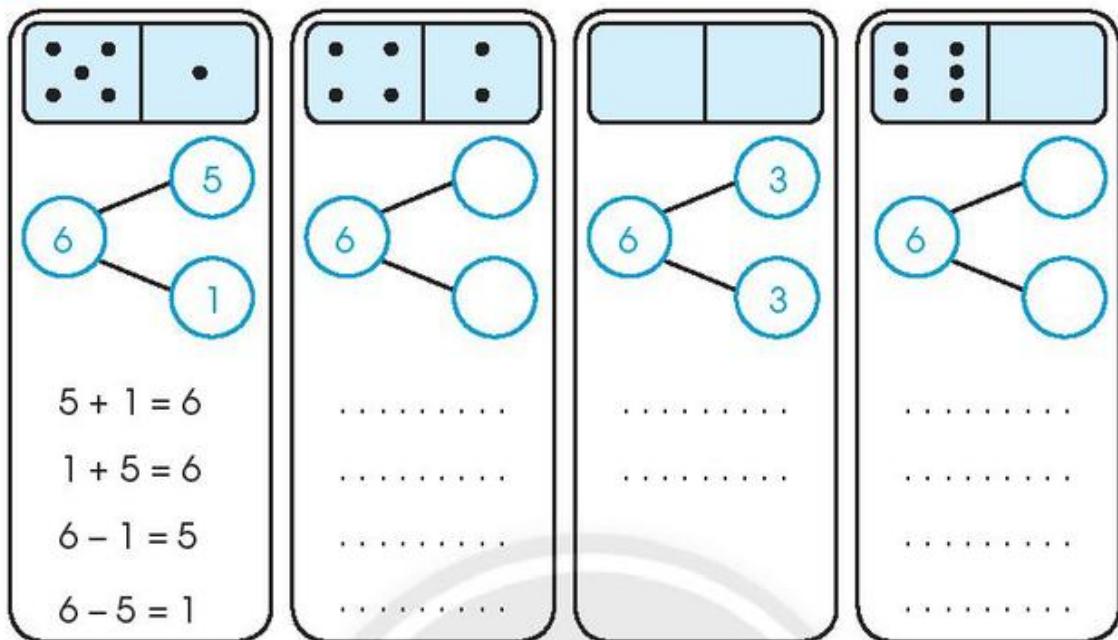
B. 1

C. 2

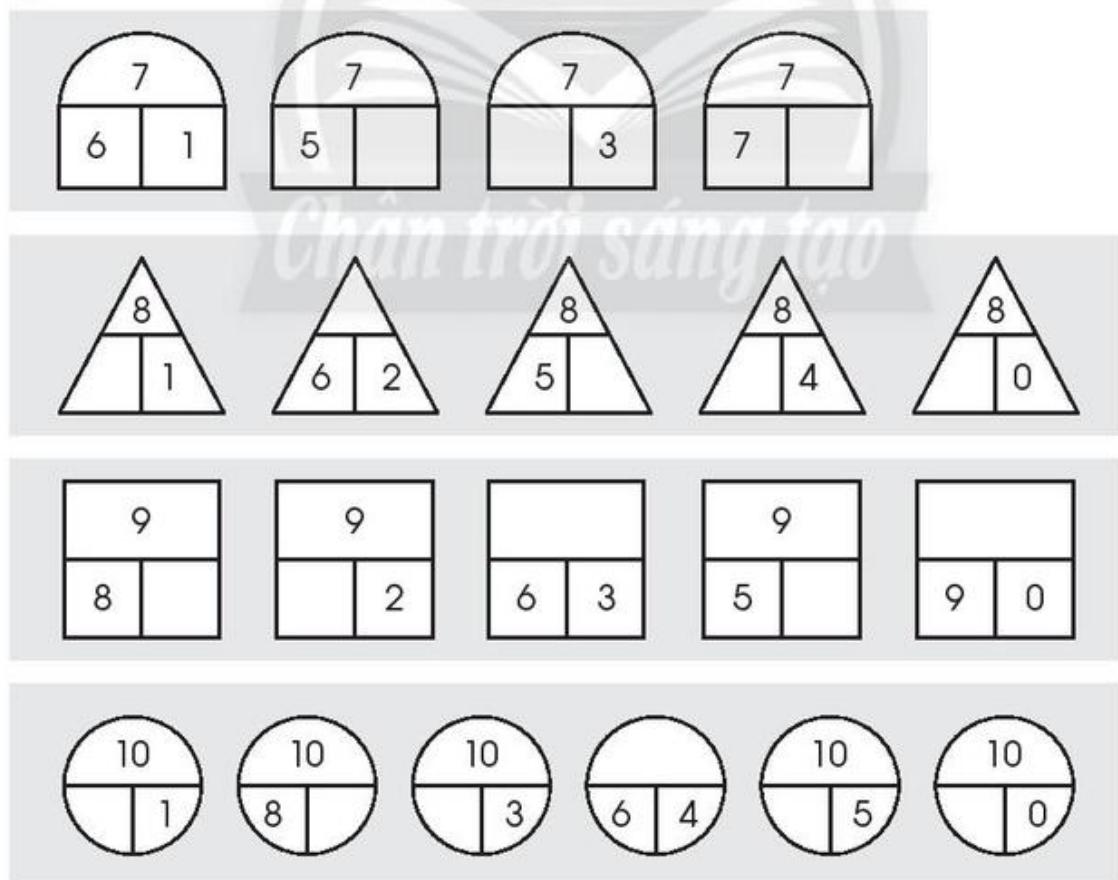
D. 3



3 Làm theo mẫu.

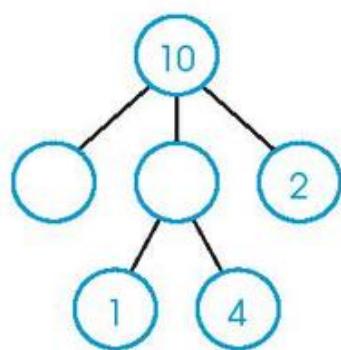


4 Viết số vào ô trống.



5 Viết số vào ô trống.

a)



b)

2	+		=	8
+		+		-
8	-		=	
=		=		=
	-	8	=	

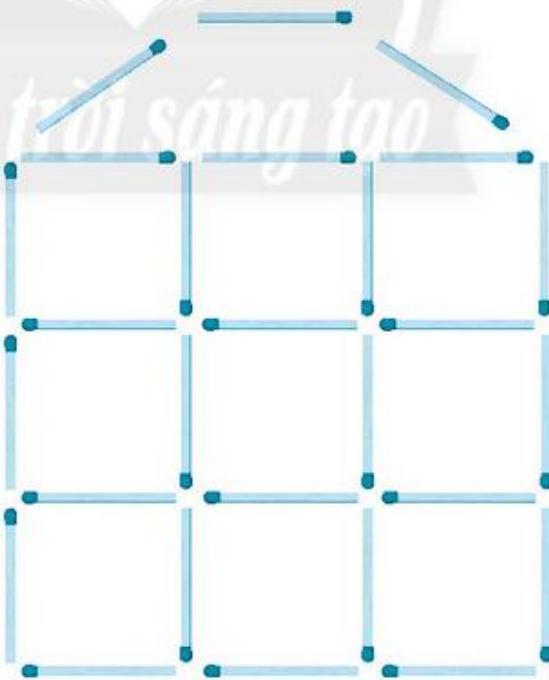
6 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Hình vẽ sau có bao nhiêu que diêm?

A. 39

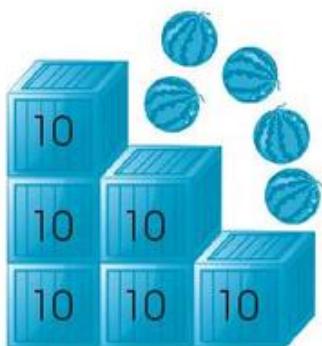
B. 30

C. 27

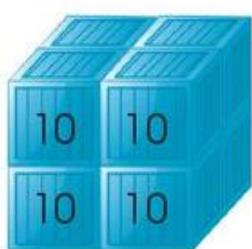


7 Cho biết mỗi thùng dưới đây có 10 trái (quả) dưa hấu.

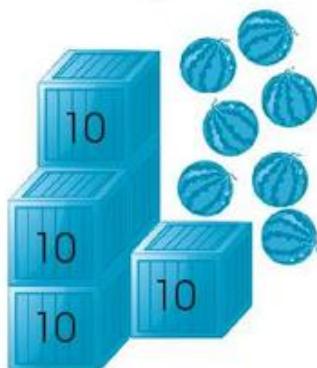
A



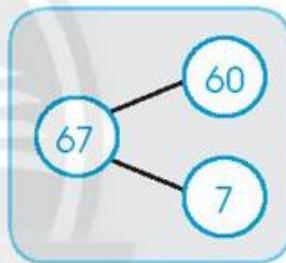
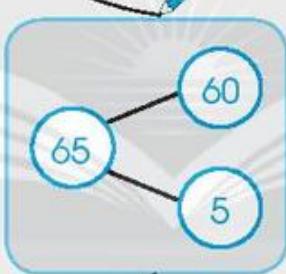
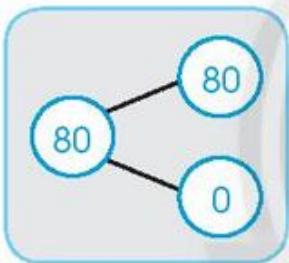
B



C



65



$$65 = 60 + 5$$

$$67 = 60 + 7$$

$$80 = 80 + 0$$

a) Làm theo mẫu.

b) Khoanh vào câu trả lời đúng.

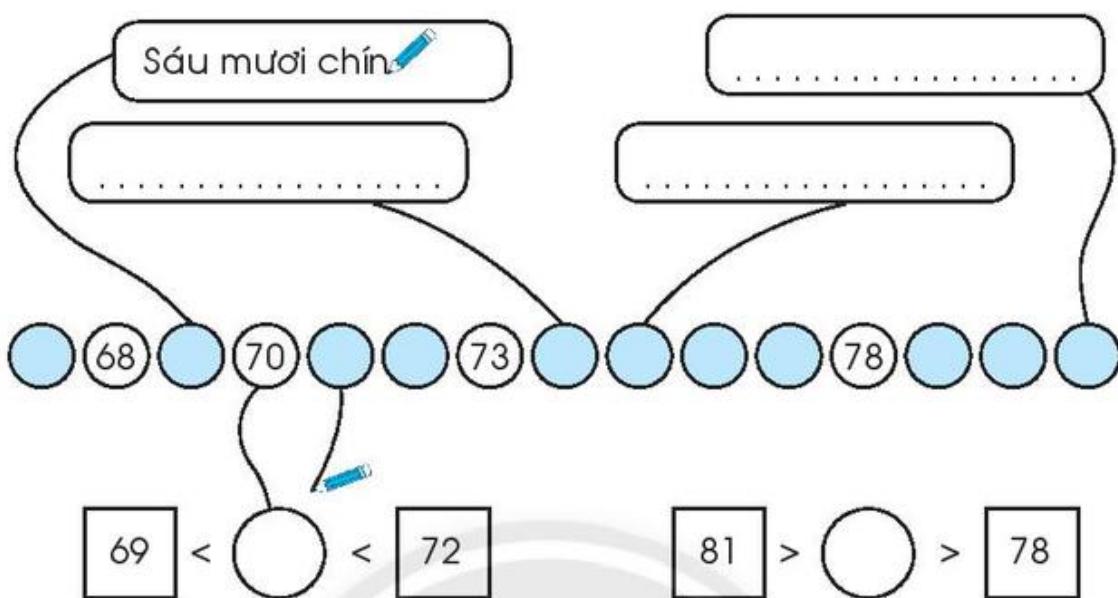
Hình nào có số trái dưa hấu nhiều nhất?

A

B

C

**8** Làm theo mẫu.



9 Trong hình vẽ sau, bậc thang dưới có kết quả bé hơn bậc thang trên.

Viết số vào chỗ chấm.

$$78 - 1 = \dots$$

$$78 - \dots = \dots$$

... + ... = ...

$$70 + 4 = \dots$$

10



27 ... 17

9 ... 30

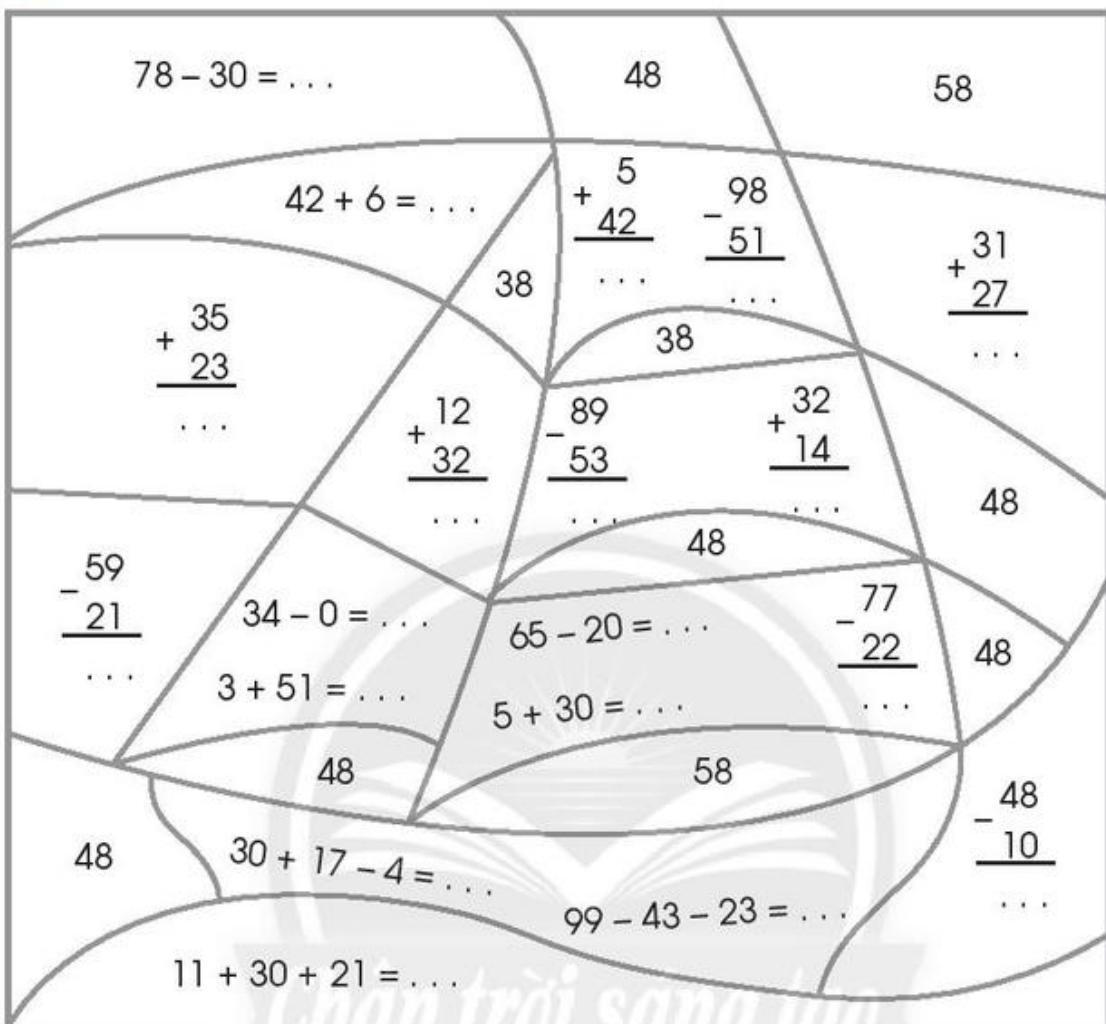
51...28

?

61 . . . 65

$$84 \dots 4 + 80$$

99 . . . 100



a) Tính.

b) Tô màu.

Kết quả là 47: đỏ

Kết quả là 33, 43: nâu

Kết quả là 36, 46: cam

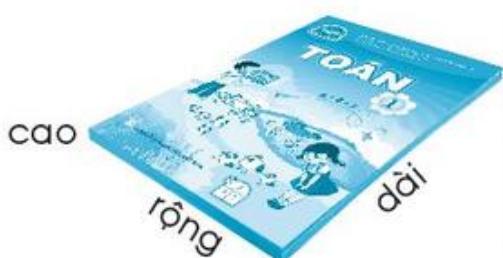
Kết quả là 62: xanh dương nhạt

Kết quả là 35, 45, 55: vàng

Kết quả là 34, 44, 54: xanh lá

Kết quả và các số là 38, 48, 58: xanh dương đậm

- 12 Ước lượng, đo sách Toán 1 của em rồi viết số đo.



	Ước lượng	Đo
Chiều dài	khoảng ... cm	... cm
Chiều rộng	khoảng ... cm	... cm
Chiều cao	khoảng ... cm	... cm

- 13 Ước lượng, đo rồi viết số đo ghế của em.



	Ước lượng	Đo
Chiều dài	khoảng ... gang tay	... gang tay
Chiều rộng	khoảng ... gang tay	... gang tay
Chiều cao	khoảng ... gang tay	... gang tay

14 Hôm nay là thứ sáu, ngày 7.

Ba bạn Tuấn, Minh, Thu hẹn nhau:

9 giờ sáng **ngày mai** có mặt tại nhà sách.

a) Đánh dấu (✓) vào tờ lịch **ngày mai**.



b) Buổi sáng ở nhà sách.

Nối đồng hồ với từ thích hợp.

Giờ có mặt



Đúng giờ



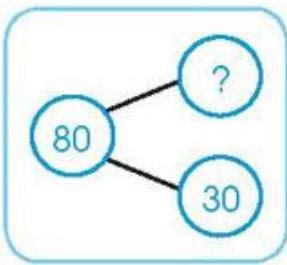
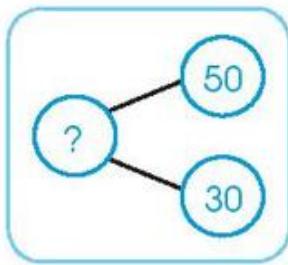
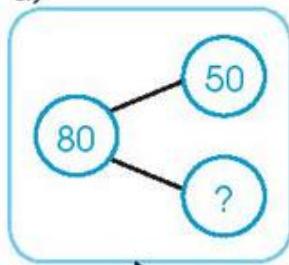
Đến sớm



Đến trễ (muộn)

15 Nối theo mẫu.

a)

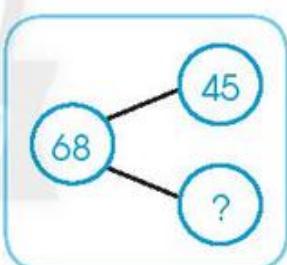
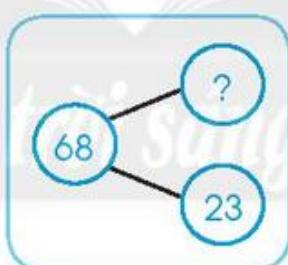
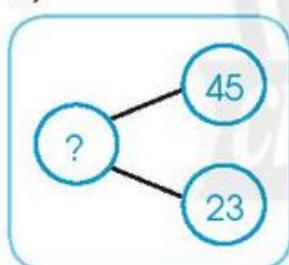


$$50 + 30 = 80$$

$$80 - 30 = 50$$

$$80 - 50 = 30$$

b)

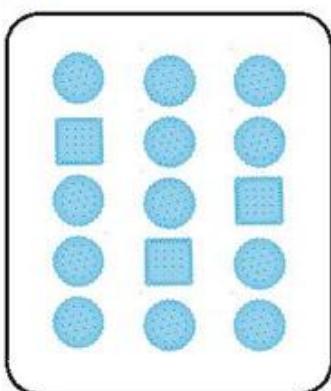


$$68 - 45 = 23$$

$$45 + 23 = 68$$

$$68 - 23 = 45$$

16 Làm theo mẫu.

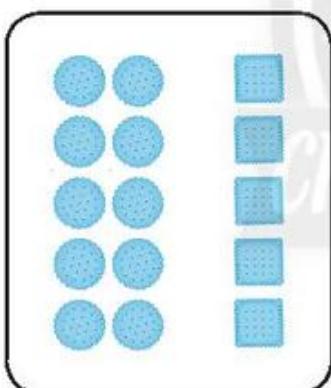


Có 10 cái bánh tròn và 5 cái bánh vuông.  
Hỏi tất cả có bao nhiêu cái bánh?

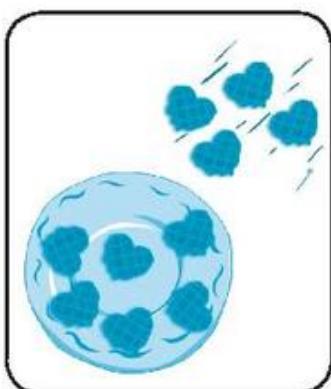
$$10 + 5 = 15$$



Có tất cả 15 cái bánh vuông và tròn, trong đó có 3 cái bánh vuông.  
Hỏi có bao nhiêu cái bánh tròn?

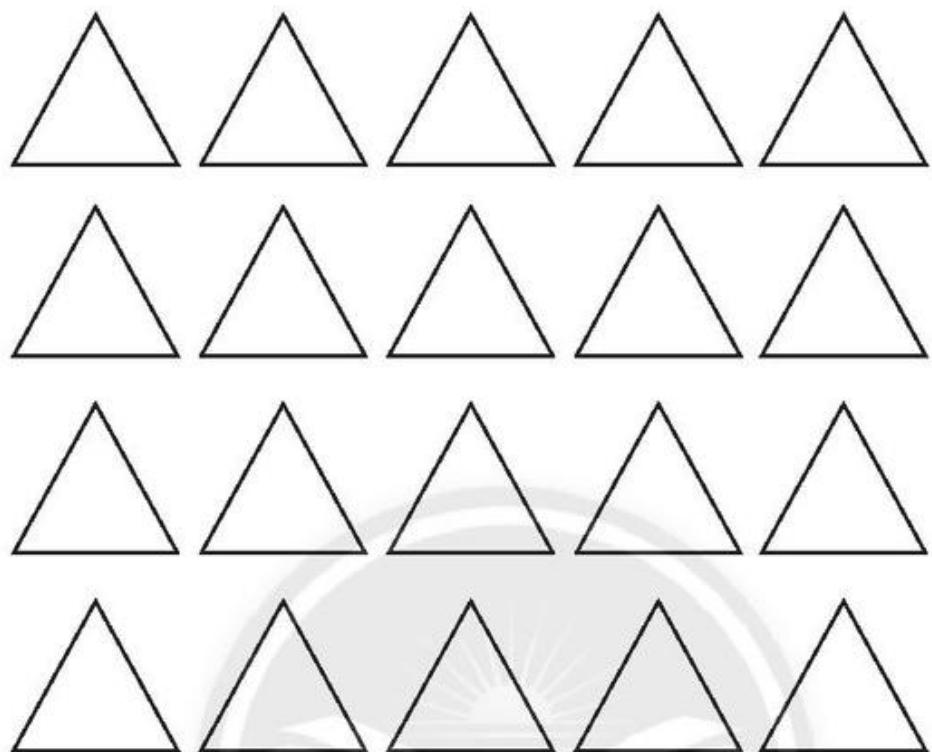


Có 10 cái bánh, ăn hết 3 cái. Hỏi còn lại mấy cái bánh?

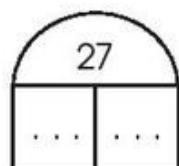


Có 6 cái bánh, thêm 4 cái bánh. Hỏi tất cả có bao nhiêu cái bánh?

17 Vẽ thêm để đủ 27 hình tam giác. Viết số vào chỗ chấm.



Chân trời sáng tạo



$$\dots + \dots = \dots$$

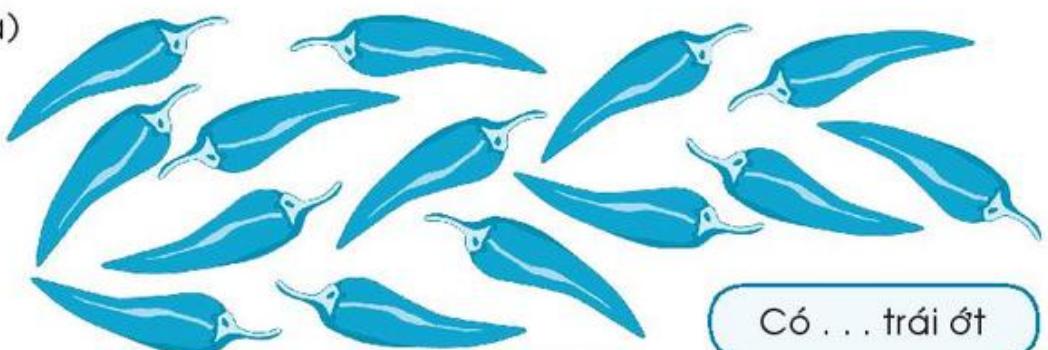
$$\dots - \dots = \dots$$



## THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

1 Đếm, viết số vào chỗ chấm.

a)



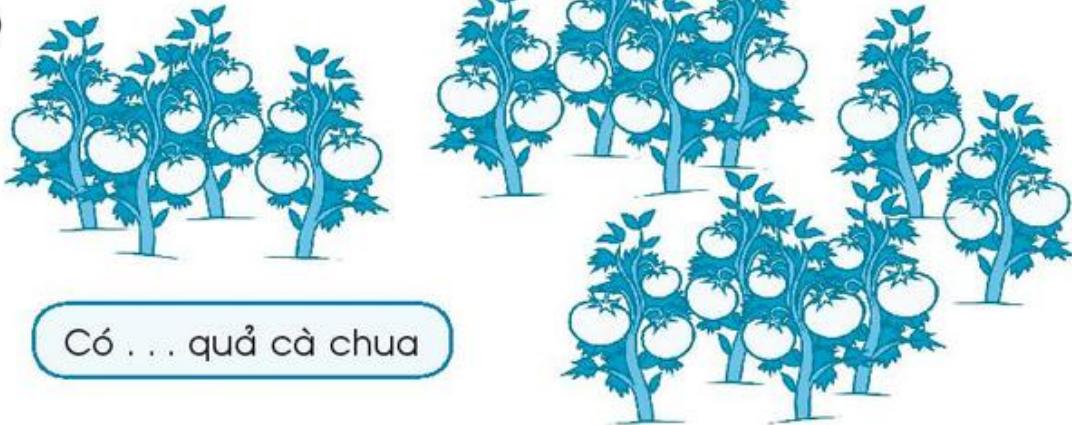
Có ... trái ớt

b)



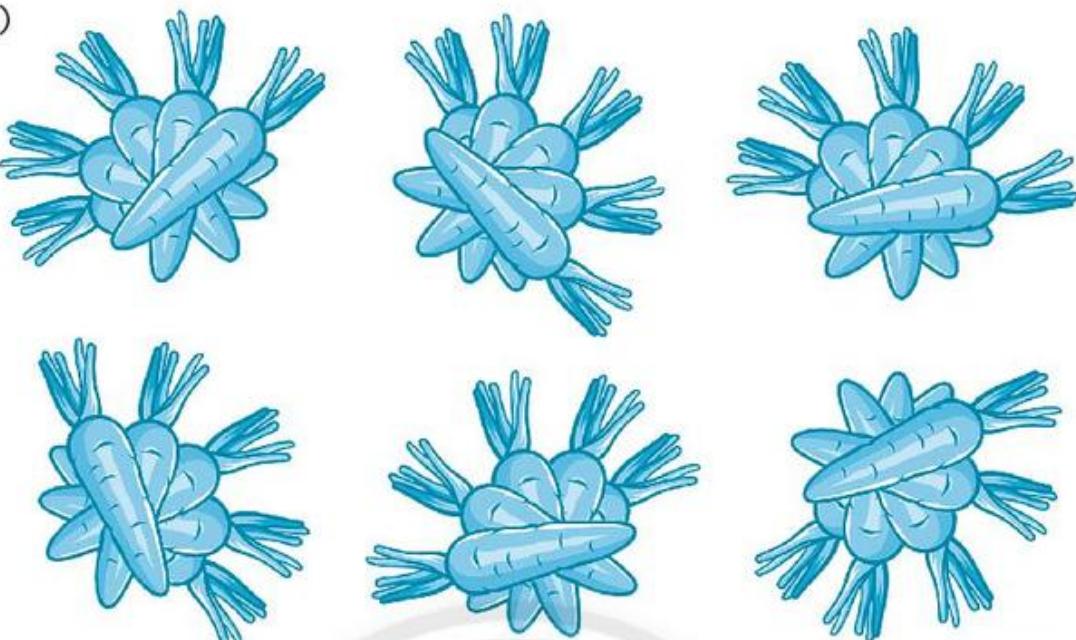
Có ... bông hoa

c)



Có ... quả cà chua

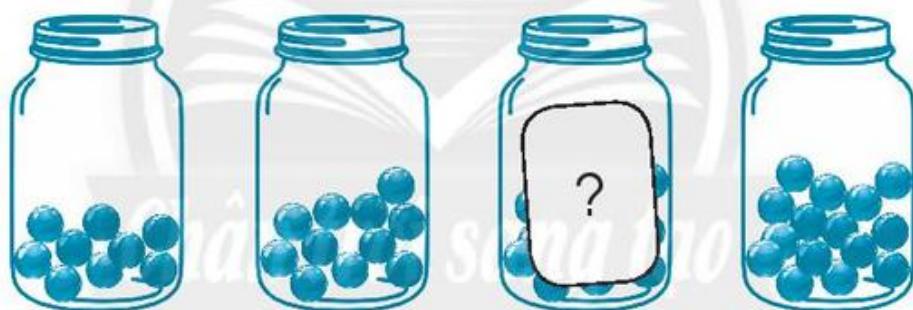
d)



Có ... củ cà rốt

2 Viết số vào chỗ chấm.

a)



Bình thứ ba có ... hòn bi

b)



Bình cuối cùng có ... cái bánh  
gồm ... cái bánh tròn  
và ... cái bánh hình chữ nhật.

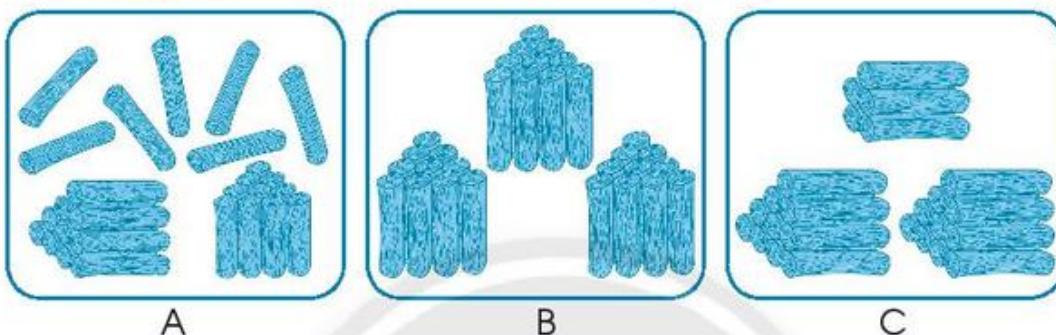


# KIỂM TRA CUỐI NĂM

## A. TRẮC NGHIỆM

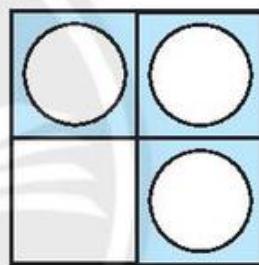
I. Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Câu 1. Hình nào có số khúc cây nhiều nhất?



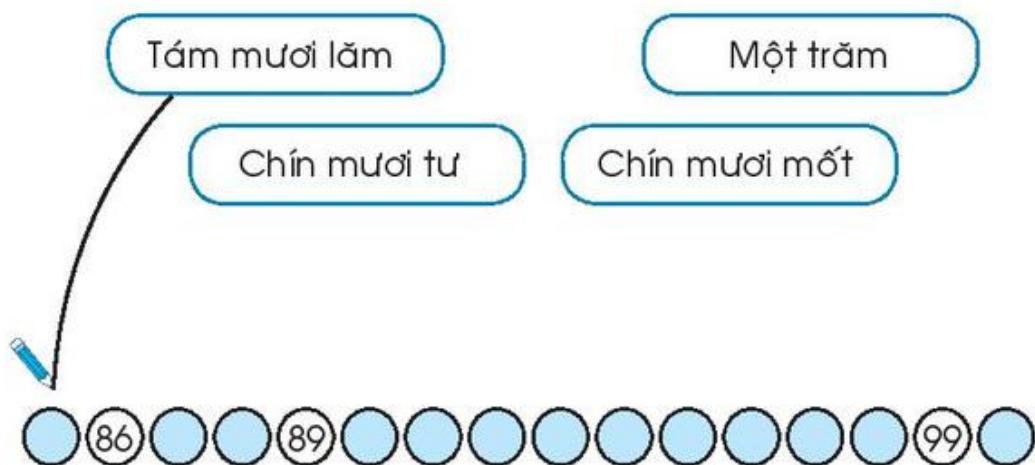
Câu 2. Hình bên có:

- A. 3 hình tròn và 1 hình vuông.
- B. 3 hình tròn và 4 hình vuông.
- C. 3 hình tròn và 5 hình vuông.



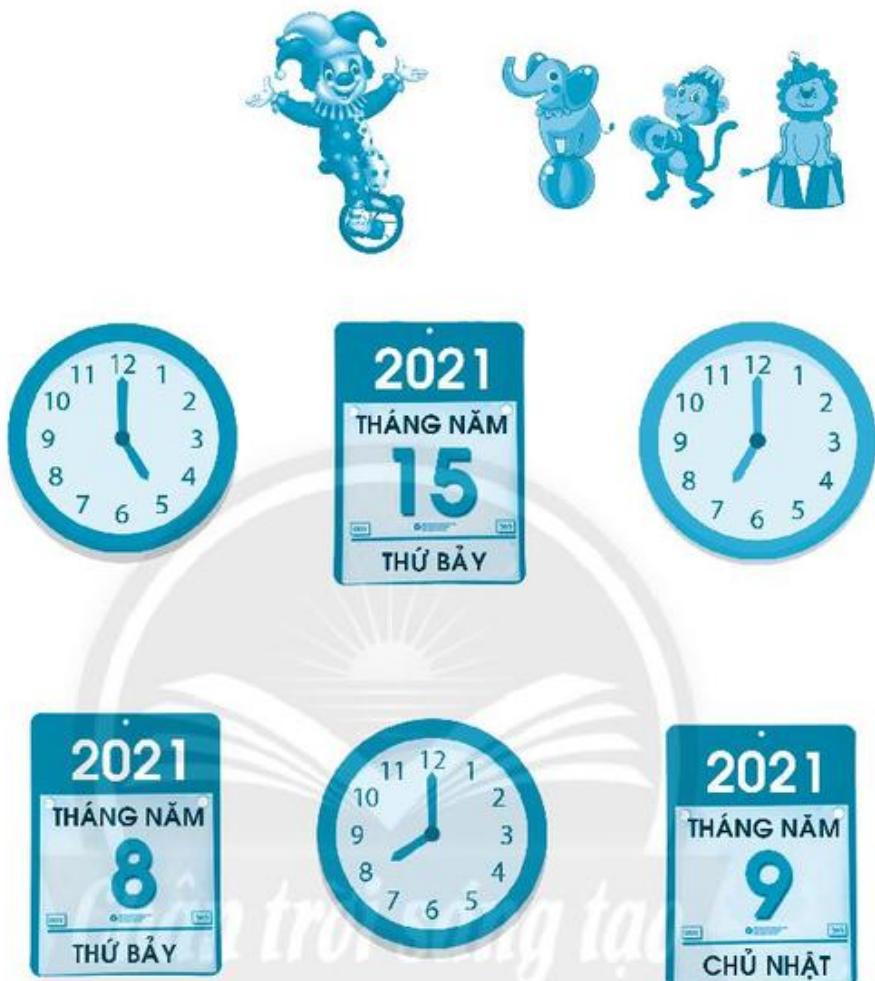
II. Nối theo yêu cầu.

Câu 3. Nối theo mẫu.

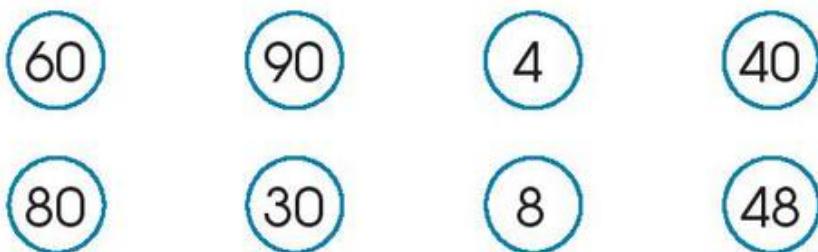


Câu 4. Nối đồng hồ và tờ lịch phù hợp với thông báo sau.

Thông báo: **7 giờ sáng thứ bảy, ngày 8** có mặt tại trường để xem xiếc.



Câu 5. Nối các số để có sơ đồ tách – gộp số.



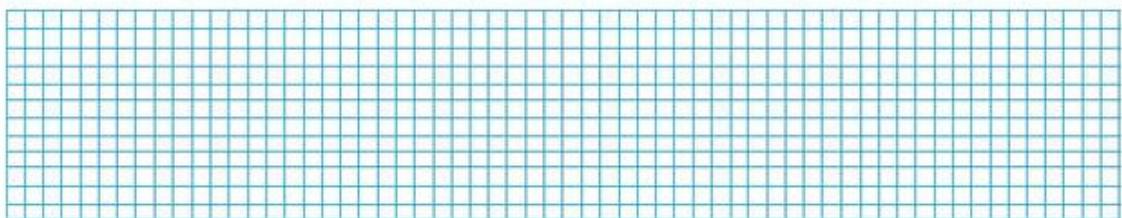
## B. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

$$78 - 52$$

$$16 + 43$$

$$5 + 84$$



Câu 2.



$$59 \dots 61$$

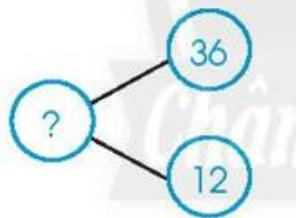
$$2 + 40 \dots 42$$

?

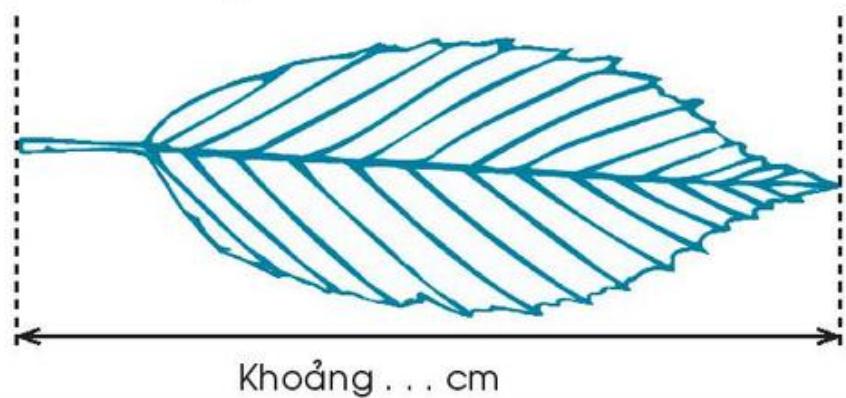
$$80 \dots 58$$

$$72 + 3 \dots 72 + 4$$

Câu 3. Viết phép tính phù hợp sơ đồ tách - gộp số.



Câu 4. Dùng thước thẳng đo, viết số đo.



## MỘT SỐ HÌNH MẪU ĐỂ EM XẾP



#### **Chiu trách nhiệm xuất bản:**

## Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

## Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

#### **Chiu trách nhiệm nội dung:**

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: HOÀNG NGỌC PHƯƠNG – TRẦN THANH HÀ

Thiết kế sách: ĐĂNG NGỌC HÀ - PHẠM NGỌC KHANG

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Minh họa: NGỌC HÀ - NGỌC KHANG

Sửa bản in: HOÀNG NGỌC PHƯƠNG – TRẦN THANH HÀ

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐÌNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

VỎ BÀI TẬP TOÁN 1 TẬP HAI

Mã số: G2BH1T002M20

In ..... bản, (QĐ ....) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in: ..... địa chỉ .....

Cơ sở in: ..... địa chỉ .....

Số ĐKXB: 07-2020/CXBIPH/5-1783GD.

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-19593-7

Tập 2: 978-604-0-19594-4

—  
—  
—